

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ****Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam**

*Căn cứ theo Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, chúng tôi trân trọng công bố thông tin định kỳ của Công ty chúng tôi như sau:*

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK
- Địa chỉ liên lạc: Tầng 6, Tòa nhà HandiResco, 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 024.3724 5999 Fax: 024.3724 5775
- Email: contact@nvs.vn
- Website: www.nvs.vn

**Văn bản công bố thông tin:**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank công bố:

- Báo cáo thường niên năm 2023.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/04/2024 tại đường dẫn: <http://nvs.vn/tabid/231/Default.aspx>

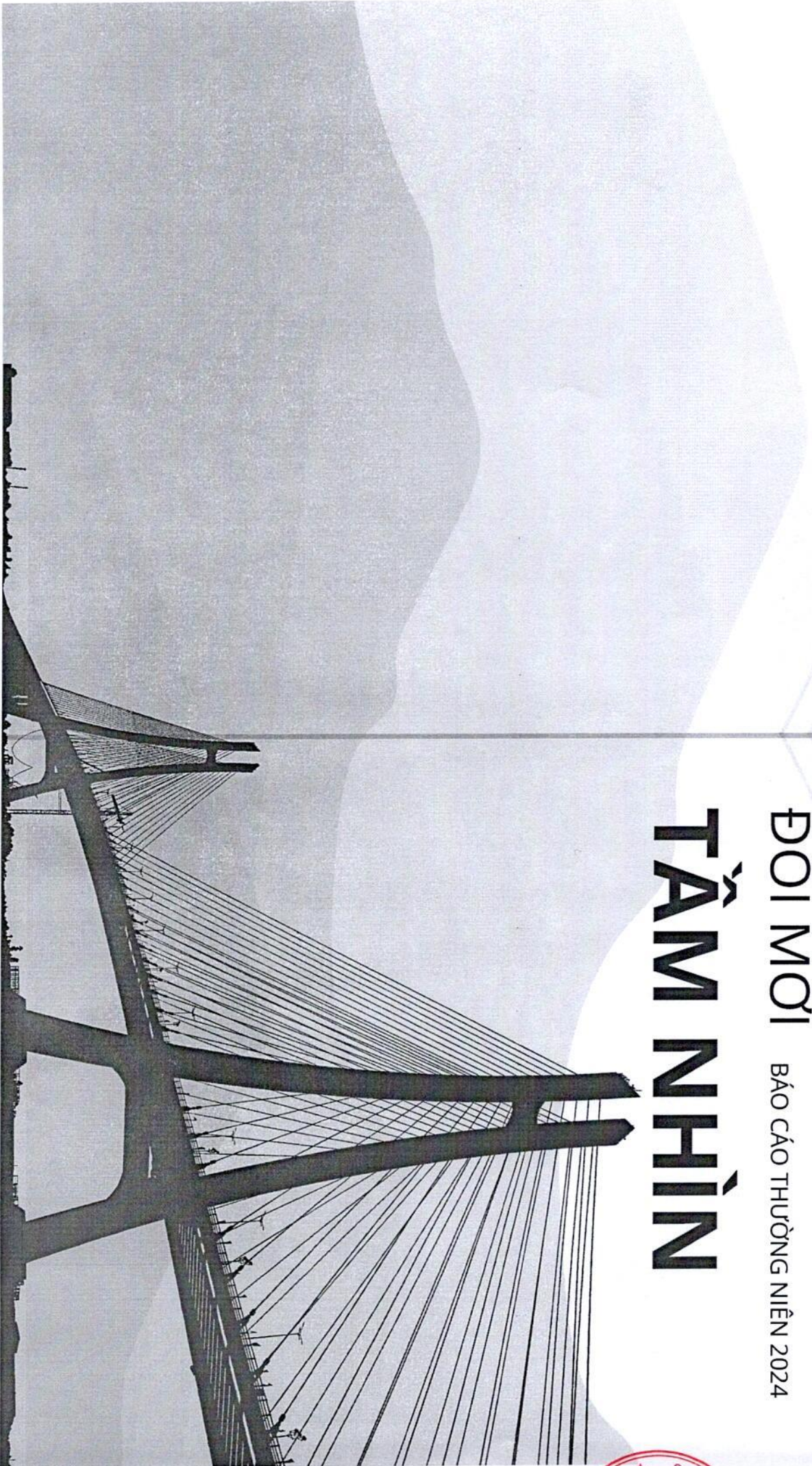
Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

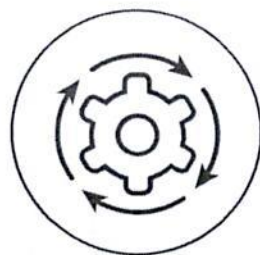
**Đại diện tổ chức**  
**Người UQ công bố thông tin****Nguyễn Thị Thanh Thủy**  
**Kế toán trưởng**

**NAVI BANK**  
Securities

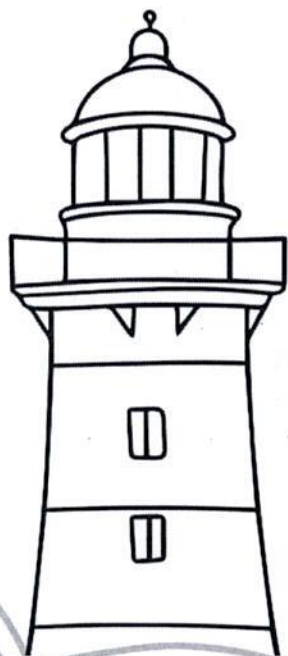
**ĐỔI MỚI** BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

# TẦM NHÌN





# MỤC LỤC



## 01 TỔNG QUAN

Thông tin doanh nghiệp	06
Mạng lưới hoạt động	06
Quá trình hình thành và phát triển	08
Cổ phần và Cơ cấu cổ đông	11
Lĩnh vực hoạt động	12
Bộ máy tổ chức công ty	14
Định hướng chiến lược phát triển	16
Quản trị rủi ro	22

## 02 QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Tổ chức và nhân sự	30
Thành viên, cơ cấu và hoạt động của Hội đồng quản trị	36
Ủy ban kiểm toán - Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị	40
Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ủy ban kiểm toán	42

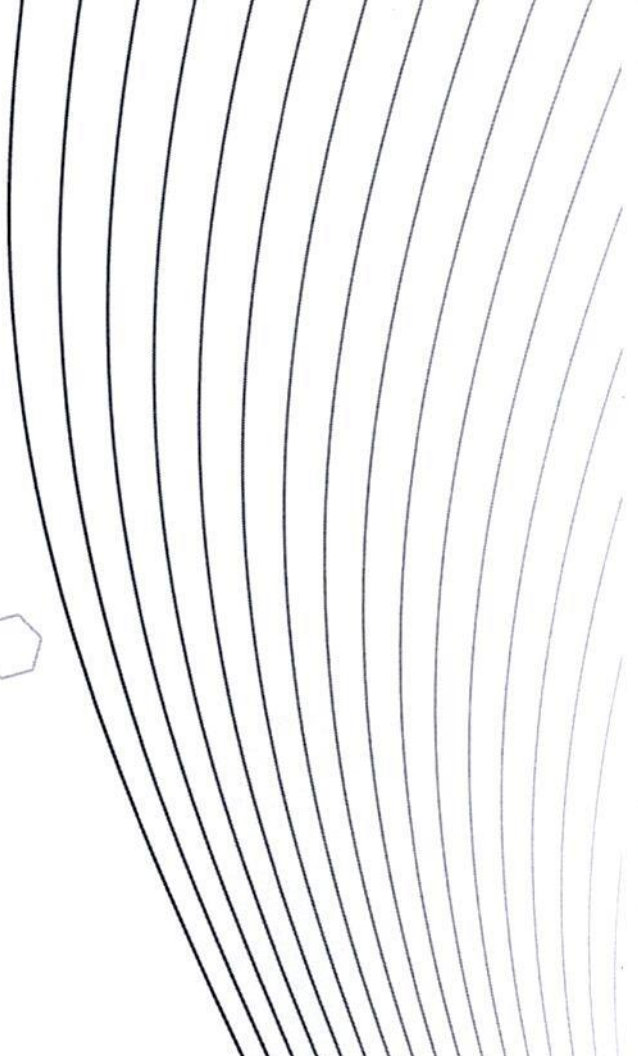
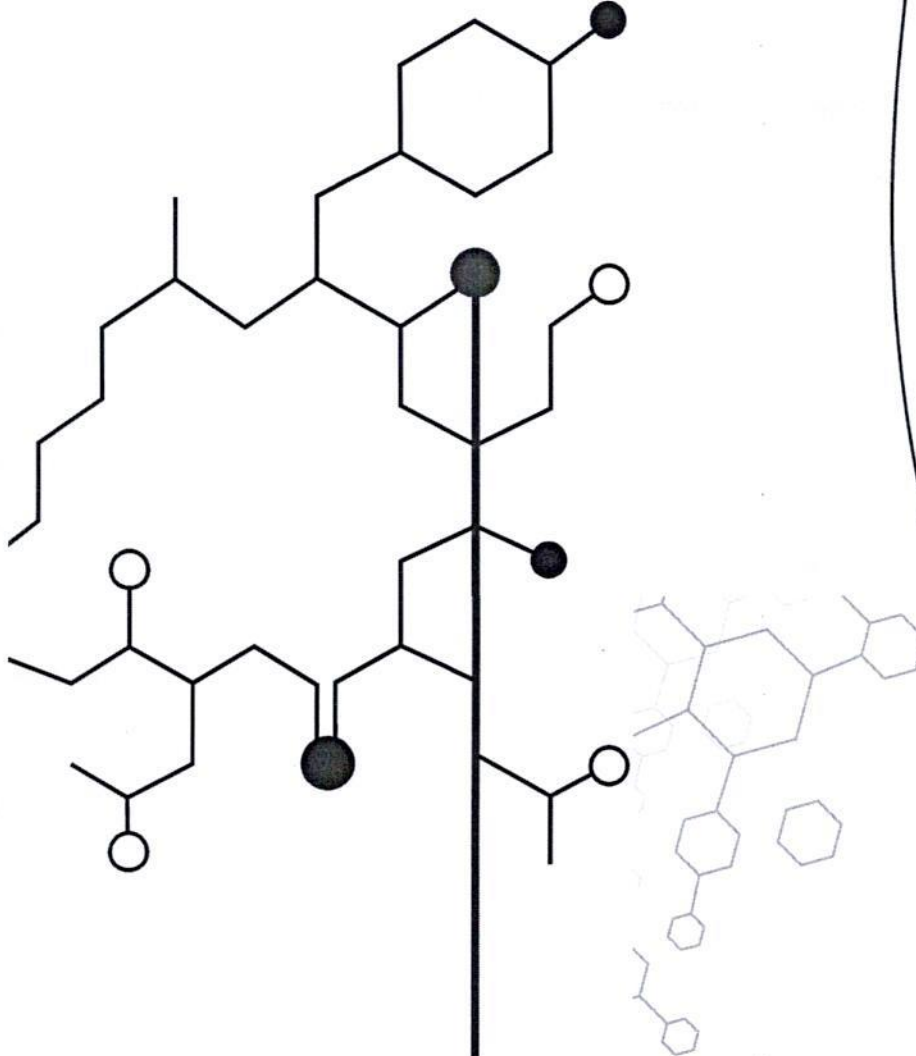
## 03 BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Môi trường kinh doanh 2023	46
Báo cáo kết quả hoạt động	60
Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc	66
Đánh giá của Hội đồng quản trị	70

## 04 HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	76
Đánh giá của Ban giám đốc và Hội đồng quản trị về tác động liên quan đến môi trường và xã hội	78

## 05 BÁO CÁO TÀI CHÍNH 80



CHƯƠNG 01. TỔNG QUAN



**TRỤ SỞ CHÍNH**

**Địa chỉ:**  
Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP Hà Nội.

**Website:**  
www.nvs.vn

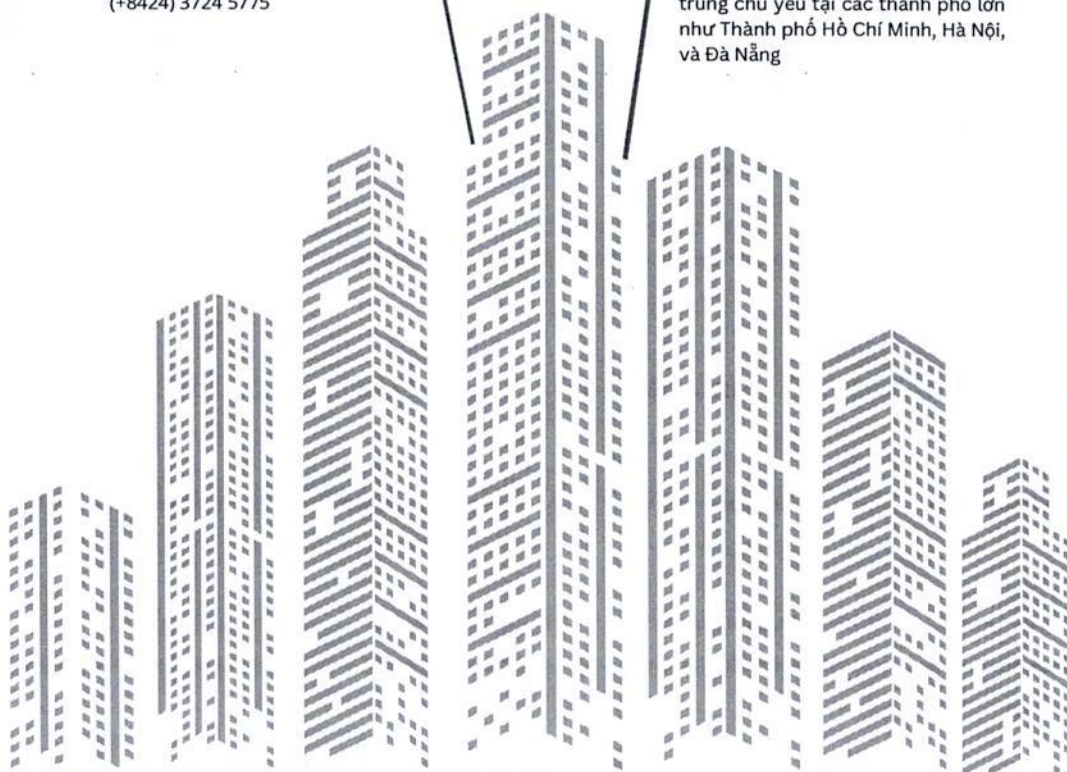
**Điện thoại:**  
(+8424) 3724 5999

**Fax:**  
(+8424) 3724 5775



**MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG**

Mạng lưới hoạt động kinh doanh của NVS trải rộng khắp cả nước, tập trung chủ yếu tại các thành phố lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, và Đà Nẵng



Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (“NVS”) được thành lập vào năm 2008. Trải qua hơn một thập kỷ hình thành và phát triển, NVS đã chứng minh được năng lực và thể mạnh, sự ổn định và uy tín cao trong bối cảnh thị trường tài chính Việt Nam nhiều biến động.

NVS luôn là một trong các công ty chứng khoán có tình hình tài chính lành mạnh, hoạt động ổn định ngay cả trong điều kiện khủng hoảng kinh tế. Cho đến nay, NVS đã xây dựng được một nền tảng thông tin và tri thức đầu tư, công cụ hỗ trợ, dịch vụ chuyên biệt và danh mục sản phẩm đầu tư đa dạng cùng với đội ngũ chuyên viên tư vấn có kinh nghiệm nhằm mang đến cho khách hàng các sản phẩm – dịch vụ ngày càng hoàn thiện và chuyên nghiệp.

**Công ty Cổ phần  
Chứng khoán Navibank**

Tên tiếng Anh **NAVIBANK SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt **NVS**

Người đại diện theo pháp luật **ÔNG PHAN ANH TUẤN**  
CTHQDT kiêm Tổng giám đốc

Giấy phép thành lập và hoạt động **Số 93/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN**  
cấp ngày **16/05/2008**

Vốn điều lệ **252.000.000.000** đồng  
(tại ngày 31/12/2023)

Vốn chủ sở hữu **321.556.683.677** đồng  
(tại ngày 31/12/2023)

Tổng số nhân viên **29** nhân viên  
(tại ngày 31/12/2023) trong đó **14 nhân viên** có chứng chỉ hành nghề chứng khoán



**16 tháng 05:** NVS được thành lập, đặt trụ sở chính tại Tầng 7, Tòa nhà Minexport, 28 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội và hoạt động với 03 lĩnh vực kinh doanh: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác; Lưu ký chứng khoán.  
Vốn điều lệ ban đầu là 42 tỷ đồng.

**06 tháng 06:** NVS nhận được Giấy chứng nhận thành viên lưu ký chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**13 tháng 08:** NVS được công nhận là thành viên giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

**16 tháng 10:** NVS được công nhận là thành viên giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

**2008**

**05 tháng 07:** Công ty được chấp thuận tham gia giao dịch trực tuyến tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**16 tháng 11:** Công ty chuyển trụ sở chính về địa chỉ Tầng 6, Tòa nhà HandiResco, 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội. Đây cũng chính là trụ sở chính của NVS cho đến thời điểm hiện tại.

**2010**

**11 tháng 01:** Công ty Cổ phần Chứng khoán E-Việt được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank.

**19 tháng 05:** NVS nhận được Quyết định của Ủy ban chứng khoán về việc điều chỉnh vốn điều lệ lên 161 tỷ đồng.

**2011**

**14 tháng 05:** NVS nhận được Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán, theo đó, tăng vốn điều lệ của Công ty lên 187 tỷ đồng và bổ sung nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.

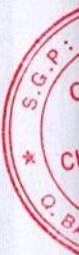
**2015**

**13 tháng 10:** NVS nhận được Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán, theo đó, tăng vốn điều lệ của Công ty lên 252 tỷ đồng và bổ sung nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán.

**2021**

**16 tháng 10:** NVS được chấp thuận là thành viên giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

**2022**





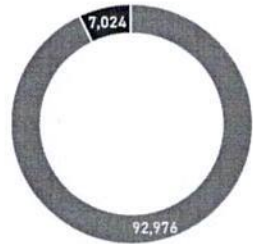
## CỔ PHẦN

Thông tin cổ phần phổ thông của Công ty tại ngày 31/12/2024:

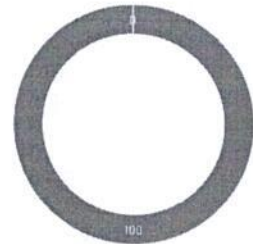
<b>TỔNG SỐ CỔ PHẦN</b>	<b>25.200.000</b> CỔ PHẦN
<b>SỐ CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH</b>	<b>25.200.000</b> CỔ PHẦN
<b>Số cổ phiếu tự do chuyển nhượng</b>	<b>25.200.000</b> CỔ PHẦN

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

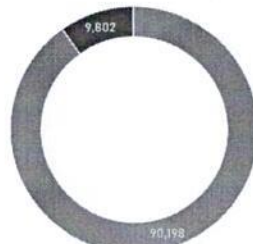
Thông tin cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 31/12/2024:



■ Cổ đông cá nhân ■ Cổ đông tổ chức



■ Cổ đông trong nước ■ Cổ đông nước ngoài



■ Cổ đông lớn ■ Cổ đông nhỏ



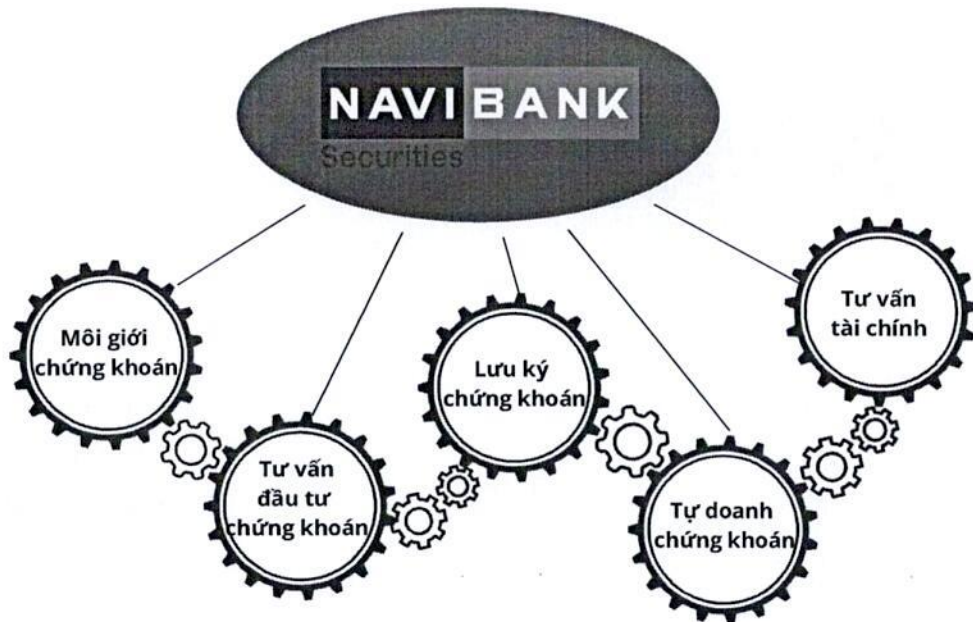
■ Cổ đông nhà nước ■ Cổ đông khác

## GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2023.

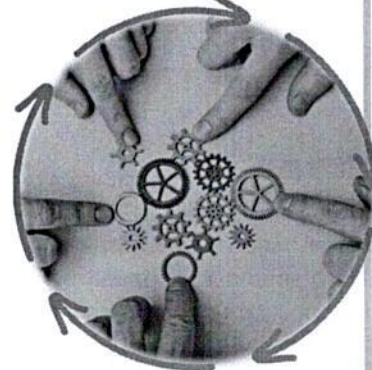
## LỊCH SỬ TĂNG VỐN CỔ PHẦN

STT	Thời điểm tăng vốn	Giá trị sau khi tăng vốn (tỷ đồng)	Giá trị tăng trong kỳ (tỷ đồng)	Ghi chú
01	16/05/2008	42	0	Vốn điều lệ ban đầu
02	27/04/2009	35,1	- 6,9	Chuyển nhượng, thay đổi cơ cấu
03	19/05/2011	161	125,9	Chào bán riêng lẻ
04	14/05/2015	187	26	Chào bán riêng lẻ
05	13/10/2021	252	65	Chào bán riêng lẻ



### Giá trị cốt lõi

- An toàn
- Năng động
- Sáng tạo
- Hiệu quả
- Chuyên nghiệp



### Tầm nhìn

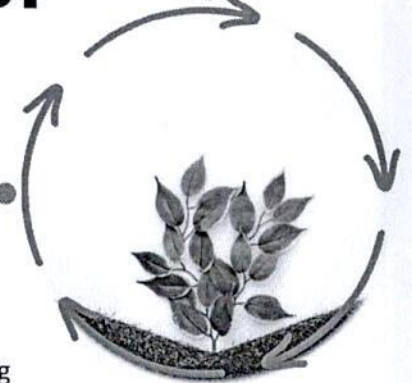
Trong vòng 05 năm tới, NVS đặt mục tiêu trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam cả về quy mô và chất lượng dịch vụ với mong muốn cung cấp cho khách hàng, đối tác và cộng đồng những cơ hội đầu tư với lợi nhuận tốt, đồng thời đóng góp một phần quan trọng cho sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam.



### Tầm nhìn - Sứ mệnh Giá trị cốt lõi

### Sứ mệnh

NVS hoạt động với sứ mệnh phát triển an toàn, bền vững, cung cấp tới khách hàng các dịch vụ chuyên nghiệp và cơ hội đầu tư tiềm năng trên thị trường.

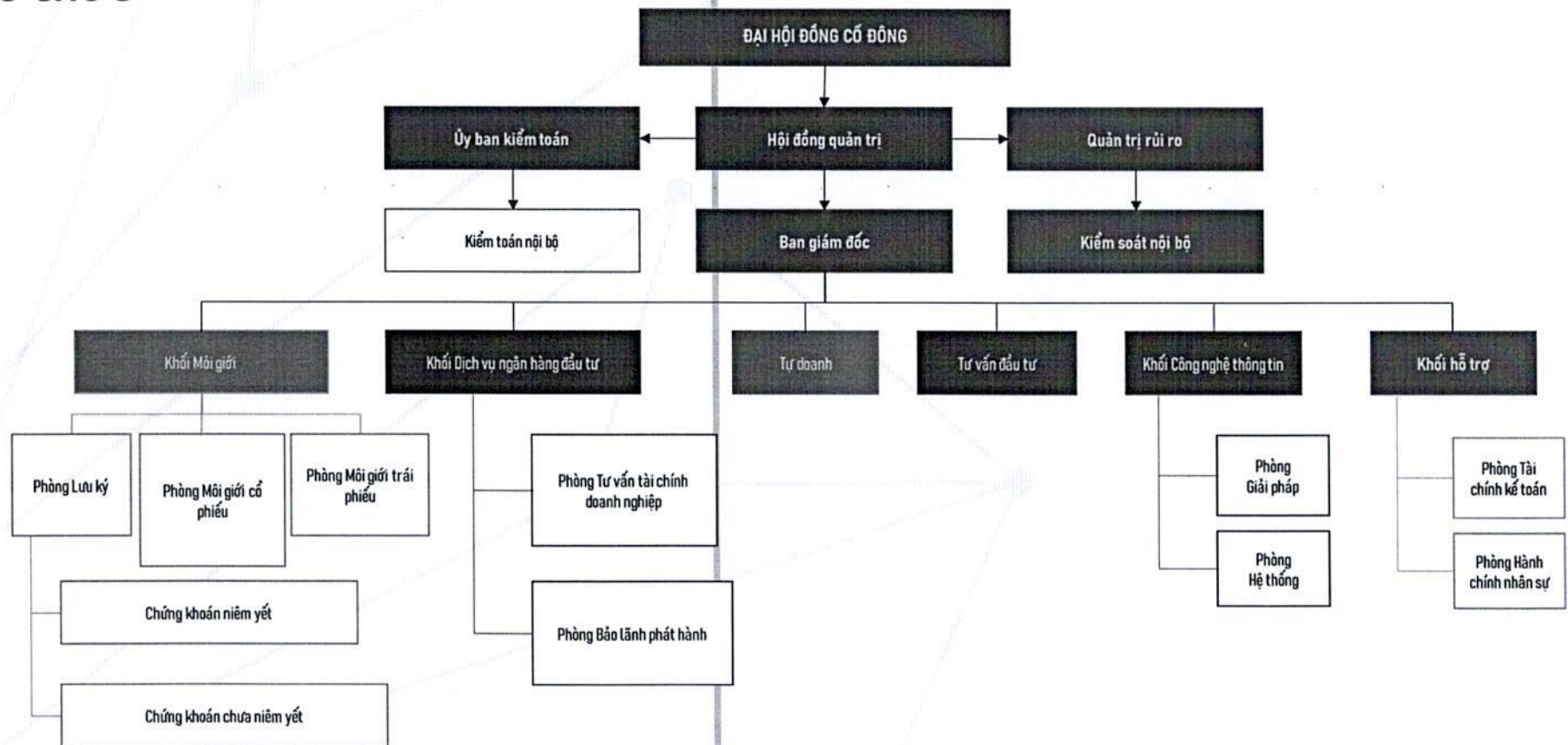




## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ✓ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG;
- ✓ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ;
- ✓ TỔNG GIÁM ĐỐC.

## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC





## ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

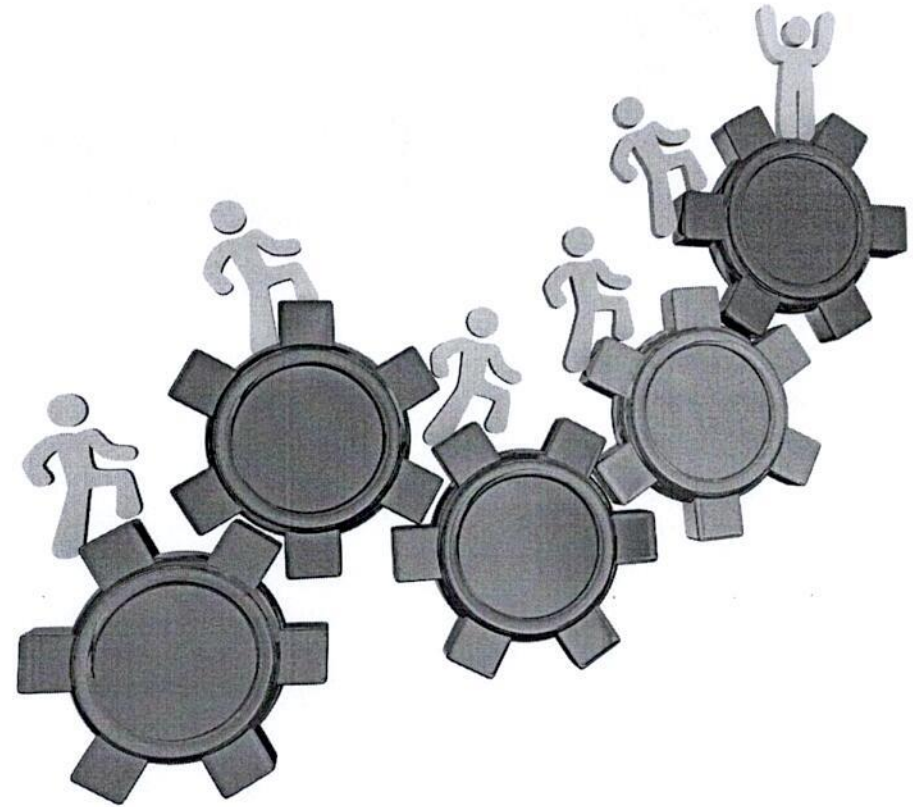
*Trong hành trình 15 năm hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank luôn gắn mục tiêu tăng trưởng của Công ty cùng với sự tin cậy, an tâm, lợi ích của khách hàng, nhà đầu tư và trách nhiệm trọn vẹn với xã hội.*

*Để hiện thực hóa những mục tiêu kinh doanh đã đề ra, Hội đồng quản trị Công ty luôn cập nhật kịp thời những thay đổi của thị trường nhằm đưa ra được những phương án chỉ đạo, vận hành phù hợp nhất với Công ty trong từng thời kỳ biến động của nền kinh tế. Bên cạnh đó, NVS cũng thường xuyên rà soát các quy trình quản trị, vận hành và hệ thống công nghệ thông tin của Công ty, tích cực triển khai các cuộc đối thoại, tập huấn để cùng trao đổi và thực hiện các phương án phát triển theo định hướng của Hội đồng quản trị nhằm đảm bảo thực hiện các hiệu quả những kế hoạch và đưa ra các giải pháp khắc phục kịp thời, phù hợp với chiến lược, định hướng phát triển bền vững của Công ty*

## Duy trì và ổn định hệ thống

Kinh tế Việt Nam ổn định hơn và dần hồi phục trong năm 2023 sau khi trải qua nhiều khó khăn trong năm 2022 chủ yếu do biến động lớn trên thị trường tiền tệ và khủng hoảng trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp. Trong nửa đầu năm 2023, Ngân hàng Nhà nước đã mua vào khoảng 6 tỷ USD và vì vậy đã bơm một lượng lớn tiền Đồng vào nền kinh tế. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước đã cắt giảm lãi suất điều hành trong 4 lần liên tiếp để đưa lãi suất điều hành về mức gần như thấp nhất trong nhiều năm qua nhằm hỗ trợ tăng trưởng.

Với các yếu tố này, các ngân hàng thương mại đã dần điều chỉnh giảm lãi suất huy động và sau đó là lãi suất cho vay. Vào thời điểm cuối năm 2023, lãi suất huy động của các ngân hàng lớn đang ở mức thấp nhất trong nhiều năm. Trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp, Chính phủ đã ban hành Nghị định 08/2023 sửa đổi Nghị định 65/2022 cho phép tổ chức phát hành trái phiếu thỏa thuận với trái chủ về việc kéo dài kỳ hạn trái phiếu và từ đó giúp giảm áp lực trả gốc trái phiếu cho các doanh nghiệp gặp khó khăn về dòng tiền và ổn định tâm lý nhà đầu tư. Chính sách đẩy mạnh đầu tư công của Chính phủ, sự hồi phục mạnh mẽ của ngành du lịch và mức tăng trưởng tốt của vốn đầu tư FDI là các động lực tăng trưởng kinh tế quan trọng khác trong năm vừa qua.



Trước những thay đổi tích cực của thị trường, bối cảnh kinh tế vĩ mô và thị trường tài chính hiện nay, NVS đặt ra mục tiêu đẩy mạnh sự phát triển Công ty thông qua việc thay đổi chính sách và nâng cấp hạ tầng song hành với nhiệm vụ duy trì ổn định hoạt động kinh doanh, giảm thiểu rủi ro trong đầu tư và đảm bảo tuân thủ pháp luật. Bên cạnh đó, NVS luôn cố gắng đảm bảo các chính sách đãi ngộ tốt nhất cho nhân viên của Công ty.



## Quan hệ nhà đầu tư

Các đơn vị kinh doanh nòng cốt như Dịch vụ chứng khoán dành cho Khách hàng tổ chức, Khách hàng cá nhân; Dịch vụ Ngân hàng đầu tư; Bộ phận Kinh doanh trái phiếu, ... tiếp tục đóng vai trò là cầu nối thông tin quan trọng nhằm kết nối Công ty với nhà đầu tư và Quý cổ đông. Năm 2023, NVS đã thực hiện nhiều lượt trao đổi với các nhà đầu tư trong nước, chủ động tiếp xúc với nhà đầu tư và các công ty chứng khoán nước ngoài để giới thiệu cơ hội đầu tư tại thị trường chứng khoán Việt Nam, đặc biệt là tìm kiếm cơ hội hợp tác giữa hai bên. Công ty hướng đến tiếp tục gặp gỡ và thảo luận với các bên liên quan thông qua các cuộc đàm phán nhằm thực hiện tốt minh bạch hóa thông tin thông qua việc cập nhật các tin tức, báo cáo, thông tin trọng yếu có ảnh hưởng đến lợi ích của các bên liên quan.

## Tăng trưởng kinh tế

Trong năm qua, ngoài tiến hành cung cấp các dịch vụ chứng khoán bao gồm: môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, Công ty đã tập trung nguồn lực để phát triển các dịch vụ thuộc khối Dịch vụ ngân hàng đầu tư và ổn định kinh doanh chứng khoán.

Năm 2023, hoạt động Môi giới và Tự doanh vẫn hướng tới duy trì ổn định, tập trung vào các khách hàng truyền thống với mục tiêu đặt ra là nâng cao chất lượng dịch vụ; kinh doanh an toàn, hiệu quả. Hoạt động khối Dịch vụ ngân hàng đầu tư bao gồm tư vấn phát hành, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp sau hai năm đi vào vận hành đã đạt được thành công nhất định và được kỳ vọng sẽ mang lại nhiều lợi nhuận cho Công ty, hứa hẹn đây sẽ là hoạt động trọng điểm của Công ty trong những năm sắp tới.

Bên cạnh đó, năm 2023 cũng là năm NVS bắt đầu đẩy mạnh việc thực hiện xây dựng và cải tiến hệ thống Công nghệ thông tin với mục tiêu phát triển hệ thống giao dịch trực tuyến để theo kịp xu thế chuyển đổi số toàn diện trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán hiện nay.





## Quản trị rủi ro

Là một công ty kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán, Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank luôn chú trọng và đảm bảo thực hiện hoạt động quản trị rủi ro một cách liên tục và thường xuyên. NVS thực hiện Quản trị rủi ro thông qua việc nhận dạng, phân tích, đo lường, đánh giá rủi ro, để từ đó đưa ra các biện pháp kiểm soát, khắc phục các hậu quả của rủi ro đối với hoạt động kinh doanh, nhằm hiện thực hóa mục tiêu bảo đảm môi trường giao dịch và vận hành an toàn của nhà đầu tư với mức chi phí hợp lý và thu được lợi nhuận từ hoạt động này, để hướng đến việc duy trì và phát triển doanh nghiệp ổn định.

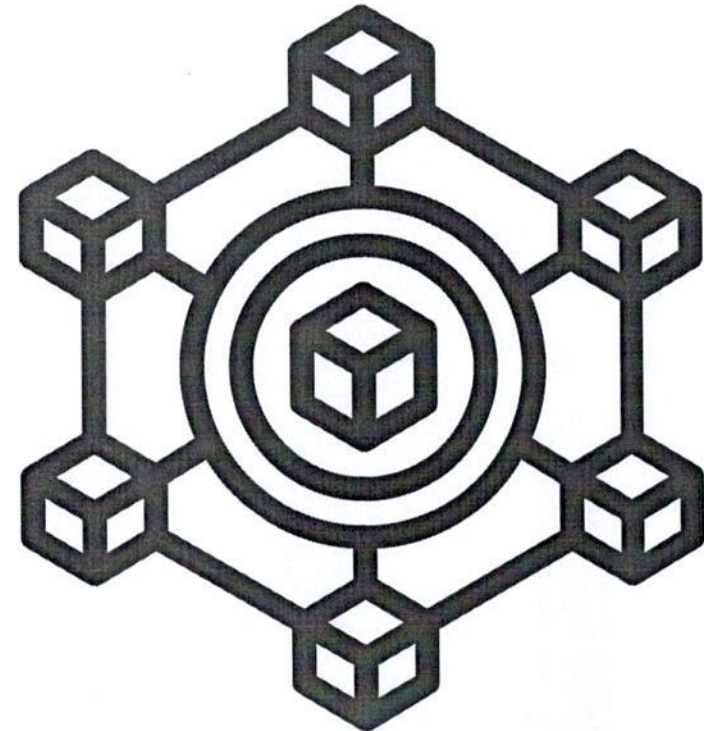
Phòng Quản trị rủi ro NVS đã và đang tập trung thiết lập hệ thống Quản trị rủi ro toàn diện nhằm nhận diện, phân loại, đánh giá và xây dựng kế hoạch ứng phó hiệu quả với các rủi ro nhằm đảm bảo công ty có thể hoàn thành tốt các mục tiêu và kế hoạch đã đặt ra, nhất là với đặc thù biến động liên tục của thị trường chứng khoán. Bên cạnh việc liên tục cập nhật và hoàn thiện quy trình Quản trị rủi ro của Công ty, NVS còn thường xuyên thực hiện đào tạo về nhận diện, phòng tránh và xử lý rủi ro cho đội ngũ nhân viên kinh doanh nói riêng và toàn thể Công ty nói chung để hạn chế tối thiểu rủi ro phát sinh.

## Nhân sự

Con người là tài nguyên, là động lực phát triển và là nền tảng quan trọng cho mọi thành công mà Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank có được trong suốt quá trình 15 năm hình thành và phát triển. Do đó, việc đầu tư phát triển nguồn nhân lực luôn là kim chỉ nam, là định hướng để NVS thực hiện các chiến lược và mục tiêu phát triển bền vững.

Năm 2023, tổng số cán bộ nhân viên tại NVS là 29 người với 14 nhân viên có chứng chỉ hành nghề (tăng 7,7% so với năm 2022). Nguồn nhân lực của Công ty đa dạng về lứa tuổi, giới tính, dân tộc, tôn giáo và trình độ chuyên môn, tuy nhiên tập trung chủ yếu ở độ tuổi 22-38 (chiếm trên 50%) và có trình độ từ đại học trở lên (chiếm 100%).

Chính sách quản trị nguồn nhân lực của NVS là hướng đến sự duy trì và ổn định hệ thống tổ chức và cán bộ nhân viên. Tiêu biểu là 60% cán bộ nhân viên của NVS đều đã gắn bó với công ty từ 8-15 năm, tuy có sự chuyển giao công việc nhưng chất lượng nhân sự luôn được ổn định. Điều này không chỉ thể hiện sự ổn định của NVS mà còn đảm bảo nền tảng vững chắc cho mọi hoạt động của công ty.



## Rủi ro thị trường

Năm 2023, thị trường chứng khoán có nhiều biến đổi bất thường và nhanh chóng. Nửa đầu năm 2023, thị trường chứng khoán Việt Nam giao dịch trầm lắng, thanh khoản sụt giảm mạnh so với năm ngoái. Nguyên nhân chủ yếu đến từ sự suy giảm tăng trưởng của các nền kinh tế lớn, lạm phát dai dẳng cùng chính sách thắt chặt tiền tệ kéo dài của các nền kinh tế lớn và căng thẳng địa chính trị ngày càng phức tạp. Sang quý 3/2023, chỉ số chứng khoán Việt Nam đã có sự bứt phá mạnh mẽ. Ngày 12/9/2023, chỉ số VN-Index đã đạt mức cao nhất kể từ đầu năm, đóng cửa ở mức 1.245,44 điểm, tăng 24% so với cuối năm 2022. Tuy nhiên, vào cuối tháng 9, thị trường đã chịu áp lực điều chỉnh giảm nhưng đã dần ổn định trong thời gian gần đây. Tính đến ngày 30/11, chỉ số VN-Index đạt 1.094,13 điểm, tăng 8,6% so với cuối năm 2022. Chỉ số HNX-Index đóng cửa ở mức 226,15 điểm, tăng 10,2 so với cuối năm 2022.

Không nằm ngoài tình hình biến động chung, các dịch vụ kinh doanh của NVS cũng chịu ảnh hưởng của rủi ro thị trường, đặc biệt là tự doanh chứng khoán, môi giới chứng khoán và tư vấn tài chính doanh nghiệp. Nhằm hạn chế đến mức tối thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh, Công ty đã đặt ra các biện pháp nhằm quản trị rủi ro như:

- Các dự án đầu tư đều phải được đánh giá toàn diện dựa trên quy mô thị trường, mục tiêu, khả năng mở rộng, khả năng cạnh tranh, hiệu quả tài chính, rủi ro liên quan trước khi được Ban Giám đốc thông qua.

- Phát triển đội ngũ nhân sự chuyên sâu về phân tích, đánh giá và dự báo thị trường nhằm đưa ra phương án phòng ngừa rủi ro phù hợp và hiệu quả với hoạt động kinh doanh Công ty.

## Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng của Công ty phát sinh chính từ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, hoạt động đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và hoạt động đầu tư trái phiếu, cụ thể như sau:

	Hoạt động cho vay GDQK	Hoạt động đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi	Hoạt động đầu tư trái phiếu
Rủi ro	Khi Công ty không thể thu hồi đủ nợ sau khi xử lý toàn bộ tài sản đảm bảo của khách hàng, hoặc không thể xử lý tài sản đảm bảo do cổ phiếu mất thanh khoản và giá giảm sâu hoặc bị hủy niêm yết, bên cạnh đó khách hàng không chịu bổ sung tài sản đảm bảo.	Hoạt động đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi được xem là có khả năng xảy ra rủi ro tín dụng thấp nhất; tuy nhiên, nếu rủi ro xảy ra thì có thể sẽ gây ra thiệt hại lớn khi đối tác không thanh toán một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ nợ với Công ty khi đến hạn.	Rủi ro tổ chức phát hành trái phiếu mất khả năng thanh toán khi đến hạn, hoặc tổ chức phát hành phát sinh yếu tố làm trái phiếu có nguy cơ mất thanh khoản.
Phương hướng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuân thủ chặt chẽ Quy trình Quản trị rủi ro trong hoạt động giao dịch ký quỹ;</li> <li>- Xây dựng hệ thống hạn mức chặt chẽ, liên tục kiểm soát, nhận diện các mức cảnh báo để kịp thời xử lý.</li> </ul>	Xem xét thận trọng về xếp hạng tín nhiệm của các Tổ chức tín dụng mà Công ty thực hiện hoạt động đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện chặt chẽ các bước thẩm định, đánh giá Doanh nghiệp, thẩm định trái phiếu trước khi đầu tư;</li> <li>- Chỉ thực hiện đầu tư khi trái phiếu đã được đánh giá chi tiết các khía cạnh, được các cấp có thẩm quyền phê duyệt để xuất đầu tư.</li> </ul>

## Rủi ro công nghệ

Với mục tiêu đẩy mạnh công tác giám sát và xử lý kịp thời các phát sinh liên quan đến Công nghệ thông tin trong thời đại 4.0, năm 2023 NVS có các hành động cụ thể để nâng cao nhận thức, cách thức nhận diện các vấn đề rủi ro tiềm ẩn Công nghệ thông tin đến toàn thể nhân viên trong công ty, xác định những tác động ảnh hưởng đến kinh doanh để xây dựng một loạt các giải pháp đầu tư nguồn lực con người, đầu tư quy trình, đầu tư các phần mềm, thiết bị hỗ trợ lưu trữ, bảo mật dữ liệu, nâng cấp công nghệ áp dụng quản lý dữ liệu, quản trị hệ thống giao dịch trực tuyến kết nối đến các sàn giao dịch.

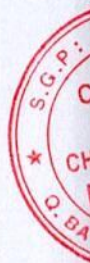


Ngoài ra, NVS cũng xây dựng hệ thống kịch bản xử lý rủi ro hoạt động nói chung, rủi ro Công nghệ thông tin nói riêng và thường xuyên đánh giá lại khả năng quản lý hiệu quả các chỉ tiêu đo lường rủi ro Công nghệ thông tin, thiết lập hệ thống thu thập dữ liệu cơ bản, theo dõi hoạt động và đánh giá về hiệu quả của chương trình quản lý rủi ro Công nghệ thông tin so với giai đoạn trước đó.

## Rủi ro tuân thủ

Rủi ro tuân thủ và kiểm soát các rủi ro về mặt tuân thủ là hoạt động luôn được cấp lãnh đạo Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank đặc biệt quan tâm, cũng như đưa ra nhiều chính sách để phòng ngừa, hạn chế, cụ thể:

- Xây dựng các quy trình trên tinh thần phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn hoạt động;
- Phát triển các hệ thống công nghệ, phần mềm để tự động hóa việc kiểm soát tuân thủ, chức năng cảnh báo và cung cấp các báo cáo phục vụ cho công tác quản lý;
- Tăng cường, củng cố khuôn khổ pháp lý trong công tác quản lý, giám sát và điều hành hoạt động trên tất cả các lĩnh vực của Công ty;
- Tăng cường hơn nữa sự kết nối, hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau giữa tất cả các bộ phận của Công ty để đảm bảo sự năng suất, hiệu quả, phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro trong quá trình vận hành.

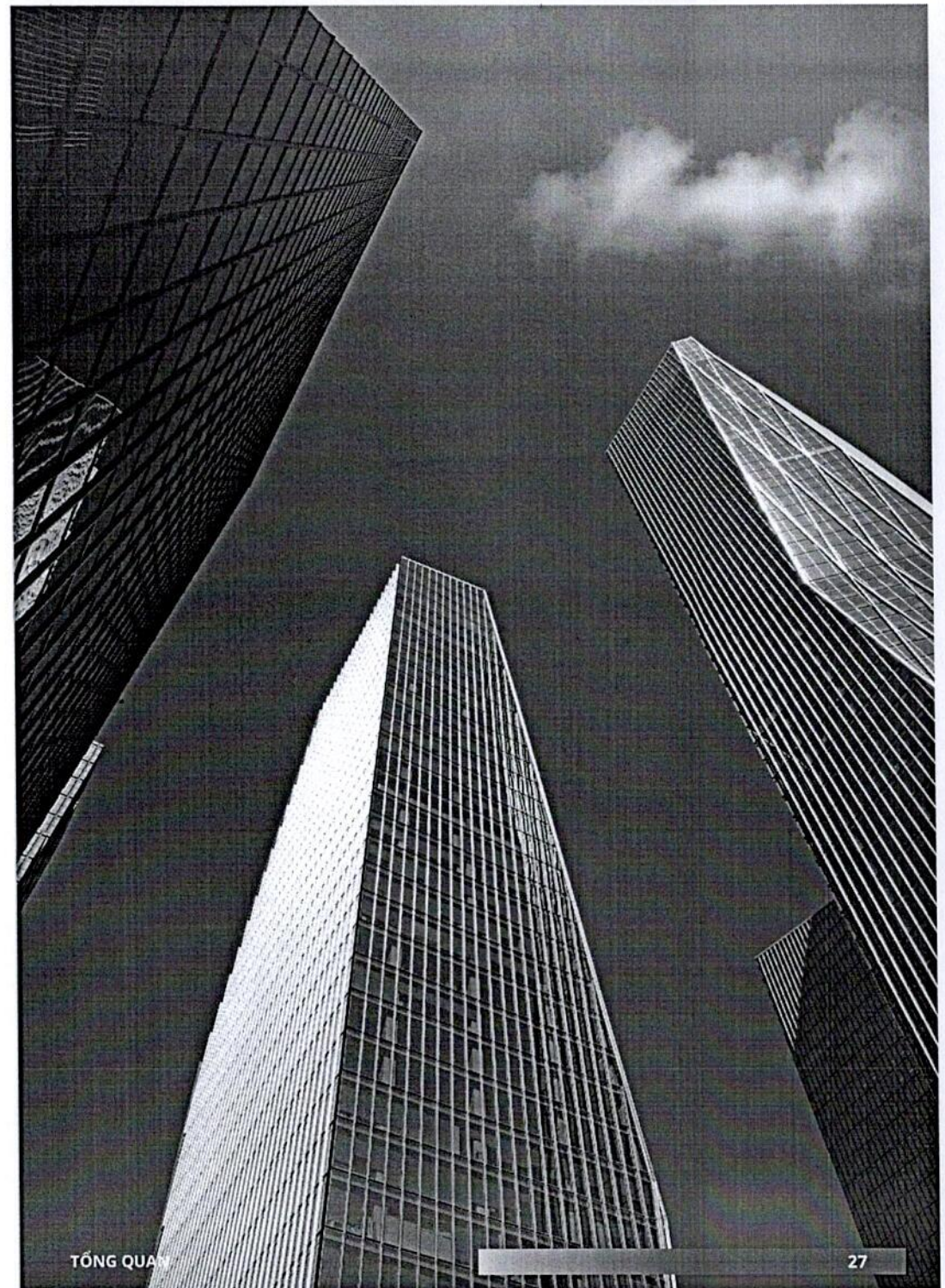


## Rủi ro pháp lý

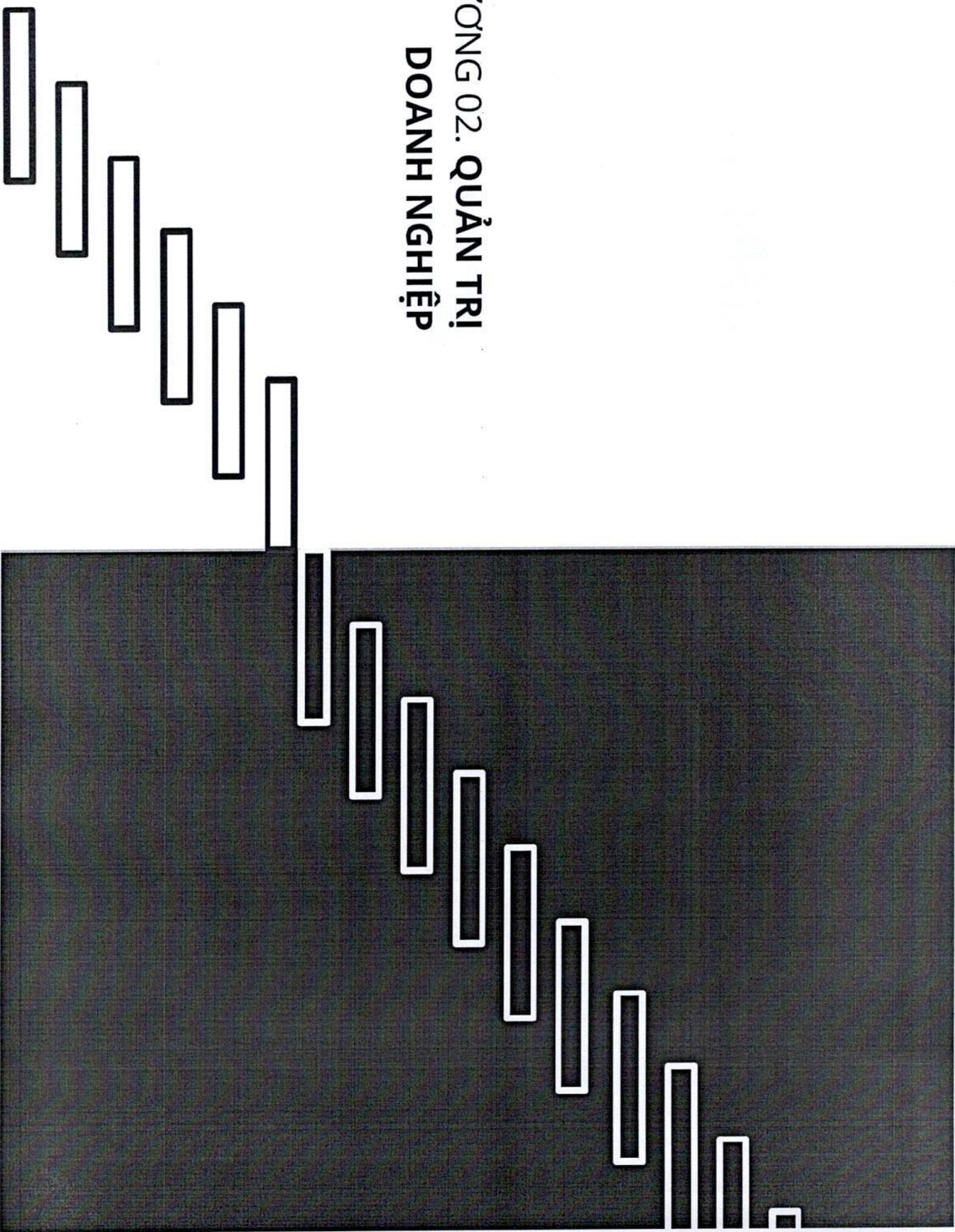
Rủi ro pháp lý là các rủi ro rất khó đo lường, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh, lợi ích tài chính và uy tín của Công ty do xuất phát từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động quản trị, hoạt động kinh doanh, việc không tuân thủ nội dung những hợp đồng đã ký kết, sự thiếu sót trong các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn của các quy trình vận hành của Công ty, hoặc do các nguyên nhân khác. Các rủi ro pháp lý mà mỗi công ty thường gặp chủ yếu liên quan đến vấn đề pháp luật, thủ tục hành chính, hợp đồng, tố tụng.

Để ngăn chặn các rủi ro pháp lý, Công ty đã thiết lập các biện pháp để nhận diện, phòng ngừa và hạn chế những rủi ro pháp lý phát sinh như:

- Phổ biến, cập nhật các quy định pháp luật mới đến Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các cấp lãnh đạo và phòng ban có liên quan;
- Xây dựng thư viện văn bản pháp luật của Công ty, với việc cập nhật thường xuyên các quy định mới của pháp luật, các quy trình, quy chế của Ủy ban Chứng khoán, các Sở Giao dịch chứng khoán và các cơ quan quản lý khác để toàn bộ nhân viên có căn cứ tuân thủ và thực hiện các hoạt động kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật.
- Kiểm tra hồ sơ, giấy tờ pháp lý trước khi ký kết các hợp đồng, cam kết, thỏa thuận với bất kỳ đối tác/khách hàng, kiểm tra việc ký kết cũng như tiến độ thực hiện;
- Xây dựng quy chế, quy trình nội bộ đáp ứng yêu cầu hoạt động, tuân thủ và cập nhật quy định pháp luật, cụ thể hóa các công việc pháp lý thành các quy trình, hướng dẫn nghiệp vụ cụ thể, biên soạn các hợp đồng, văn bản mẫu đối với các dịch vụ thường xuyên cung cấp, cũng như các điều khoản mẫu bắt buộc tại các hợp đồng, thỏa thuận để việc sử dụng đáp ứng các chuẩn mực của Công ty; đảm bảo các quy chế, quy trình nội bộ, sản phẩm, đến các cam kết, hợp đồng,... của Công ty trước khi được ban hành hoặc triển khai đều được kiểm tra và cho ý kiến từ bộ phận pháp chế.



# CHƯƠNG 02. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP







## DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

### ÔNG PHAN ANH TUẤN

**Chủ tịch HĐQT kiêm TGD**  
Chuyên môn Thạc sĩ Tài chính ngân hàng

### ÔNG NGÔ VĂN DOANH

**Giám đốc Khối Môi giới**  
Chuyên môn Cử nhân Quản trị kinh doanh

### BÀ MAI THỊ HỒNG

**Giám đốc Khối Dịch vụ  
ngân hàng đầu tư**  
Chuyên môn Cử nhân Quản trị kinh doanh

### ÔNG LÊ XUÂN TRƯỜNG

**Giám đốc Khối  
Công nghệ thông tin**  
Chuyên môn Cử nhân Công nghệ thông tin

- Danh sách ban điều hành cập nhật tại ngày 31/12/2023
- Hiện nay, Ban điều hành Công ty đều có tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết là 0%

### BÀ NGUYỄN THỊ THANH THỦY

**Kế toán trưởng**  
Chuyên môn Cử nhân Tài chính kế toán

### BÀ PHAN MAI QUỲNH TRANG

**Trưởng phòng  
Hành chính nhân sự**  
Chuyên môn Cử nhân Quản trị kinh doanh

### BÀ NGUYỄN ÁNH QUYÊN

**Trưởng phòng  
Kiểm soát nội bộ**  
Chuyên môn Cử nhân Tài chính

### ÔNG NGÔ ĐỨC THẾ

**Trưởng phòng  
Tư vấn đầu tư**  
Chuyên môn Cử nhân Kinh tế đầu tư

### BÀ ĐỖ LÊ HẰNG

**Trưởng phòng  
Quản trị rủi ro**  
Chuyên môn Cử nhân Kinh tế



# Nhân sự

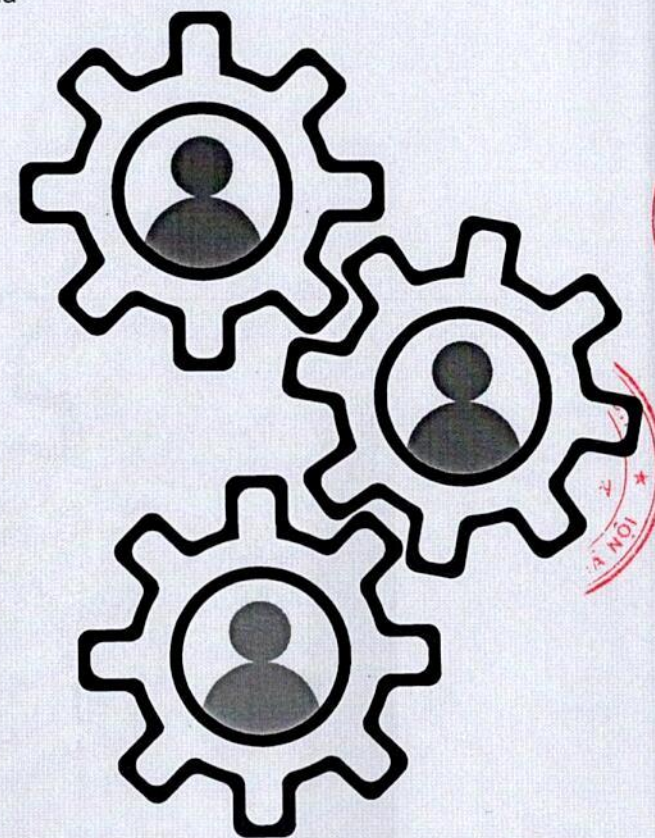
*Con người là tài nguyên, là động lực phát triển và là nền tảng quan trọng cho mọi thành công mà Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank có được trong suốt quá trình 15 năm hình thành và phát triển. Do đó, việc đầu tư phát triển nguồn nhân lực luôn là kim chỉ nam, là định hướng để NVS thực hiện các chiến lược và mục tiêu phát triển bền vững.*

Năm 2023, tổng số cán bộ nhân viên tại NVS là 29 người với 14 nhân viên có chứng chỉ hành nghề (tăng 7,7% so với năm 2022). Nguồn nhân lực của Công ty đa dạng về lứa tuổi, giới tính, dân tộc, tôn giáo và trình độ chuyên môn, tuy nhiên tập trung chủ yếu ở độ tuổi 22-38 (chiếm trên 50%) và có trình độ từ đại học trở lên (chiếm 100%). Chính sách quản trị nguồn nhân lực của NVS là hướng đến sự duy trì và ổn định hệ thống tổ chức và cán bộ nhân viên. Tiêu biểu là 60% cán bộ nhân viên của NVS đều đã gắn bó với công ty từ 8-15 năm, tuy có sự chuyển giao công việc nhưng chất lượng nhân sự luôn được ổn định. Điều này không chỉ thể hiện sự ổn định của NVS mà còn đảm bảo nền tảng vững chắc cho mọi hoạt động của công ty.



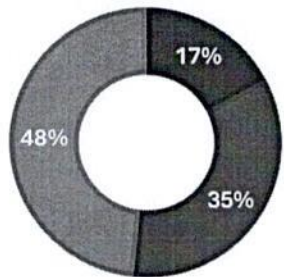
Chính sách quản trị nguồn nhân lực của NVS là hướng đến sự duy trì và ổn định hệ thống tổ chức và cán bộ nhân viên. Tiêu biểu là 60% cán bộ nhân viên của NVS đều đã

gắn bó với công ty từ 8-15 năm, tuy có sự chuyển giao công việc nhưng chất lượng nhân sự luôn được ổn định. Điều này không chỉ thể hiện sự ổn định của NVS mà còn đảm bảo nền tảng vững chắc cho mọi hoạt động của công ty.



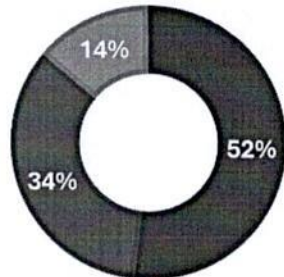


- <30 tuổi
- từ 30 - dưới 40 tuổi
- từ 40 - dưới 50 tuổi

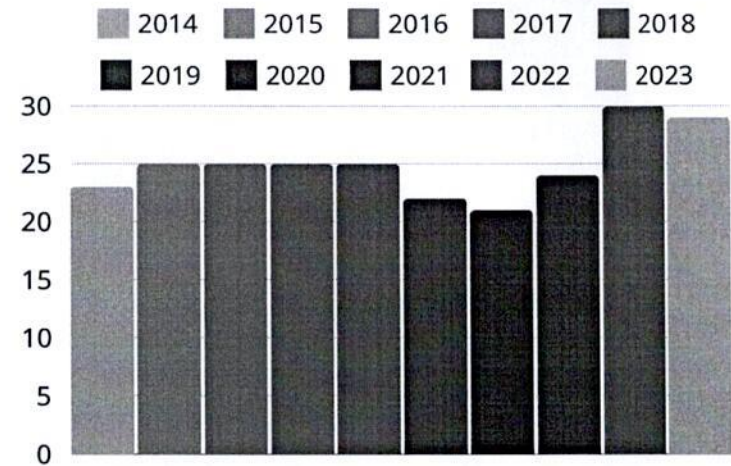


Cơ cấu nhân sự phân bố theo độ tuổi

- <5 năm
- từ 5 - 10 năm
- >10 năm



Cơ cấu nhân sự phân bố theo thâm niên làm việc



Thay đổi số lượng nhân viên qua các năm

	Số lượng nhân sự	% nhân sự mỗi bộ phận/Tổng nhân sự	Số lượng nhân sự có chứng chỉ hành nghề	% nhân sự có chứng chỉ hành nghề/Mỗi bộ phận
Ban Giám đốc	1	3%	1	100%
Bộ phận môi giới	3	10%	3	100%
Bộ phận tự doanh	3	10%	3	100%
Bộ phận bảo lãnh phát hành	3	10%	3	100%
Bộ phận tư vấn đầu tư	3	10%	3	100%
Bộ phận khác	16	55%	01	6%
<b>Tổng số</b>	<b>29</b>	<b>100%</b>	<b>14</b>	<b>48%</b>

Cơ cấu nhân sự phân bố theo bộ phận



## THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HĐQT

Năm 2023, Hội đồng quản trị của NVS gồm 04 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị hiện tại được đánh giá giàu năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, kế toán, luật và quản trị doanh nghiệp. Các thành viên Hội đồng quản trị luôn có những đóng góp tích cực, nhạy bén và độc lập đối với công việc hoạt động của Công ty.



**ÔNG PHAN ANH TUẤN**  
Chủ tịch HĐQT

Ông Phan Anh Tuấn là Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng, có 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và chứng khoán, bắt đầu tiếp quản vị trí Chủ tịch hội đồng quản trị và đồng hành cùng NVS từ năm 2014.

Số cổ phần sở hữu tại Công ty: 0%  
Tỷ lệ: 0%



**ÔNG LÊ NGUYỄN HOÀNG ANH**  
Thành viên độc lập HĐQT

Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh là Cử nhân Kế toán - Kiểm toán, có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và chứng khoán. Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh hiện đồng thời là Chủ tịch Ủy ban kiểm toán của NVS

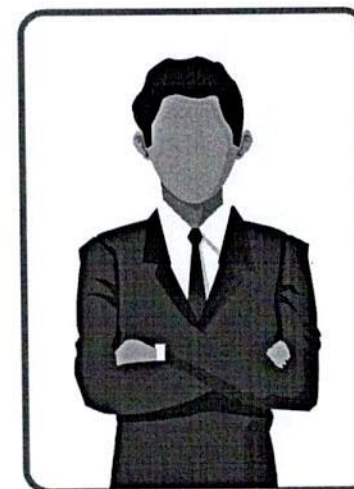
Số cổ phần sở hữu tại Công ty: 0%  
Tỷ lệ: 0%



**ÔNG LÊ CHÍ PHÚC**  
Thành viên HĐQT

Ông Lê Chí Phúc là Cử nhân Chuyên ngành Kinh tế, có 15 năm kinh nghiệm tham gia thị trường chứng khoán, hiện là Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư SGI.

Số cổ phần sở hữu tại Công ty: 0%  
Tỷ lệ: 0%



**ÔNG NGUYỄN SƠN**  
Phó Chủ tịch HĐQT

Ông Nguyễn Sơn là Cử nhân Chuyên ngành Kinh tế. Ông Nguyễn Sơn đã không may từ trần vào ngày 26/08/2023.

Số cổ phần sở hữu tại Công ty: 0%  
Tỷ lệ: 0%

(\*) Toàn bộ số cổ phần nêu trên là cổ phần phổ thông

(\*\*) Tỷ lệ được tính trên 25.200.000 cổ phiếu tương đương 100% vốn điều lệ Công ty tại thời điểm 31/12/2023



### Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thường xuyên tổ chức các phiên họp để giải quyết kịp thời các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Các cuộc họp Hội đồng quản trị đều đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Điều lệ và Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị NVS. Hội đồng quản trị thực hiện trách nhiệm giám sát toàn diện đối với hoạt động điều hành công ty, thường xuyên chỉ đạo và trao đổi với Ban Tổng Giám đốc trong quá trình triển khai nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị, đảm bảo các hoạt động của NVS được tiến hành đúng với Quy định tại Điều lệ, các quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

Các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị đã tham mưu cho Hội đồng quản trị trong các lĩnh vực nhân sự lương thưởng, quản trị rủi ro. Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán đã phối hợp chỉ đạo Phòng Kiểm toán nội bộ tổ chức các chương trình kiểm tra hoạt động, kiểm toán toàn diện, kiểm toán đột xuất và kiểm toán chuyên đề đối với các đơn vị trong nội bộ, đảm bảo nghiêm túc chấp hành các quy định pháp luật và quy định nội bộ của NVS.

### Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Hiện tại, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị NVS đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiểm điều hành và các thành viên không điều hành, trong đó có 01 thành viên độc lập.

### Chi tiết về các Nghị quyết HĐQT đã được thông qua như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	01/2023/NVS/NQ -HĐQT	15/03/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua Báo cáo sơ bộ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 của Công ty.</li> <li>Thông qua việc ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định về việc khen thưởng cho cán bộ, nhân viên Công ty có đóng góp vào kết quả hoạt động năm 2022.</li> <li>Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank.</li> <li>Thông qua kế hoạch họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 vào tháng 4/2023. Chủ tịch HĐQT cùng Ban giám đốc chỉ đạo thực hiện lên các nội dung và phương án cần thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.</li> </ul>	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
02	02/2023/NVS/ NQ-HĐQT	05/04/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua các nội dung họp Đại Hội đồng cổ đông năm 2023.</li> <li>Thông qua chương trình họp Đại Hội đồng cổ đông năm 2023. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm phân công triển khai thực hiện tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.</li> </ul>	100%
03	03/2023/NVS/ NQ-HĐQT	28/09/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua Quy chế hoạt động Ban Giám đốc của Công ty sửa đổi bổ sung.</li> <li>Thông qua Báo cáo hoàn thành đăng ký bổ sung Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty cùng với Chủ tịch Hội đồng quản trị.</li> <li>Thông qua đề xuất nâng cấp hạ tầng mạng và bảo mật của Công ty. Hội đồng quản trị thống nhất phân quyền cho Tổng Giám đốc dựa trên tình hình thực tế hoạt động của Công ty, lựa chọn giải pháp nâng cấp phù hợp với Công ty dựa trên Tổ trình về Lựa chọn giải pháp nâng cấp hạ tầng mạng và bảo mật đã trình và được đính kèm theo Nghị quyết này.</li> </ul>	100%
04	04/2023/NVS/ NQ-HĐQT	27/12/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động năm 2023 của Tổng Giám đốc (Báo cáo kèm theo Nghị quyết).</li> <li>Thông qua đề xuất của Tổng Giám đốc về việc chi trả lương tháng 13 và tặng quà Tết Nguyên Đán cho toàn bộ cán bộ nhân viên, đồng thời khen thưởng cho các cá nhân có đóng góp nổi bật vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm.</li> <li>Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định về việc chi trả lương tháng 13 và tặng quà Tết Nguyên Đán cho toàn bộ cán bộ nhân viên, đồng thời khen thưởng cho các cá nhân có đóng góp nổi bật vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm và báo cáo kết quả cho Hội đồng quản trị vào quý tiếp theo.</li> <li>Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chính sách quản trị rủi ro năm 2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank. Mọi sửa đổi, bổ sung, thay thế Chính sách này do Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank xem xét, quyết định.</li> </ul>	100%



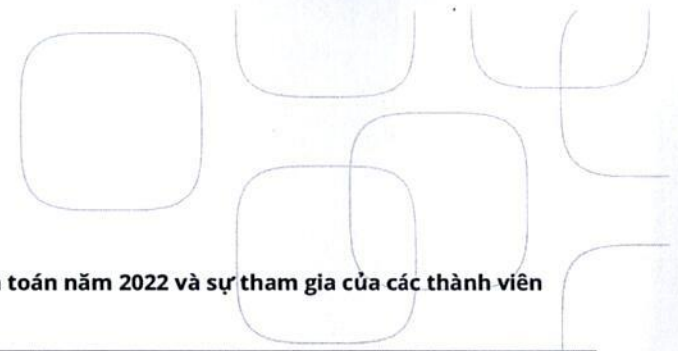
## ỦY BAN KIỂM TOÁN - THÀNH VIÊN TRỰC THUỘC HĐQT

Nhằm nâng cao hiệu quả quản trị Công ty theo quy định hiện hành cũng như theo tiêu chuẩn quốc tế, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank đã thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán là tư vấn và giúp việc cho Hội đồng quản trị trong việc duy trì và tăng cường hoạt động kiểm soát nội bộ Công ty. Các thành viên của Ủy ban kiểm toán thực hiện chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ công ty.



### Thông tin về thành viên Ủy ban Kiểm toán:

STT	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Trình độ chuyên môn
1	Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	Ngày 28/06/2021 tại Nghị quyết Hội đồng quản trị quý 2/2021 của Công ty	Cử nhân
2	Ông Nguyễn Sơn	Thành viên Ủy ban kiểm toán	Ngày 28/06/2021 tại Nghị quyết Hội đồng quản trị quý 2/2021 của Công ty	Cử nhân



### Cuộc họp Ủy ban kiểm toán năm 2022 và sự tham gia của các thành viên

STT	Thành viên UBKT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Lê Nguyễn Hoàng Anh	2	100%	100%
2	Nguyễn Sơn	1	50%	100%

### Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán 2023:

- Rà soát, kiểm tra và đôn đốc sửa đổi, bổ sung các quy trình Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro;
- Giám sát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh so với kế hoạch được giao của Công ty;
- Rà soát, kiểm tra tính trung thực của báo cáo tài chính của Công ty và công bố thông tin liên quan đến kết quả tài chính công ty;
- Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ và đôn đốc kiểm toán nội bộ theo dõi các giao dịch liên quan đến phòng chống rửa tiền;
- Theo dõi, đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán;
- Kiểm tra việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.





## GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

### Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ủy ban kiểm toán không hưởng lương cũng như thù lao của Công ty. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý hưởng lương hàng tháng và có các quyền lợi khác theo quy chế của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

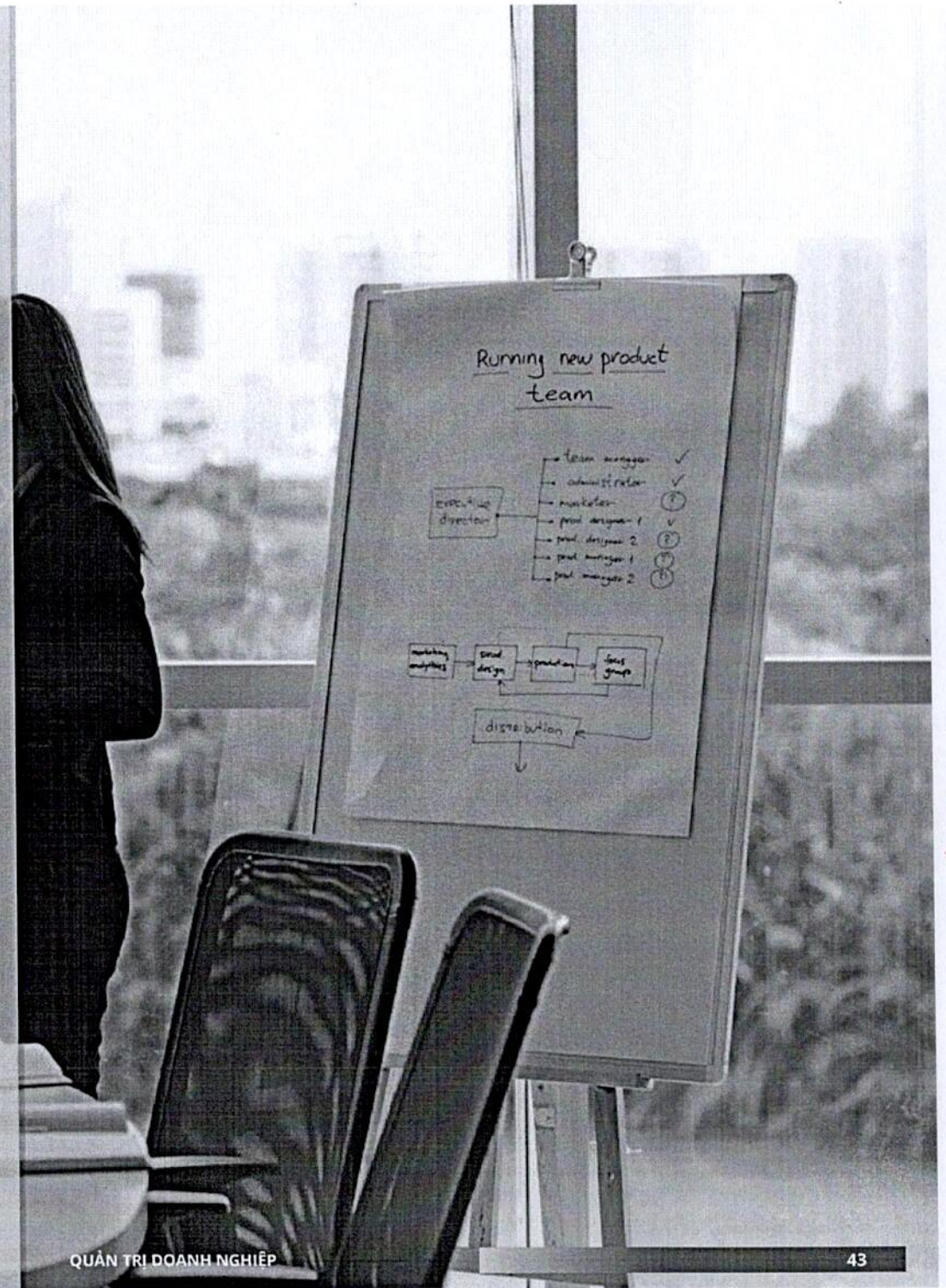
Trong năm 2023 có 01 giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ Nguyễn Sơn – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, chuyển giao 8.435.000 cổ phần tương đương 33,472% vốn điều lệ của Công ty cho ông Nguyễn Hoàng Kỳ Lân và được ghi nhận vào ngày 30/08/2023.

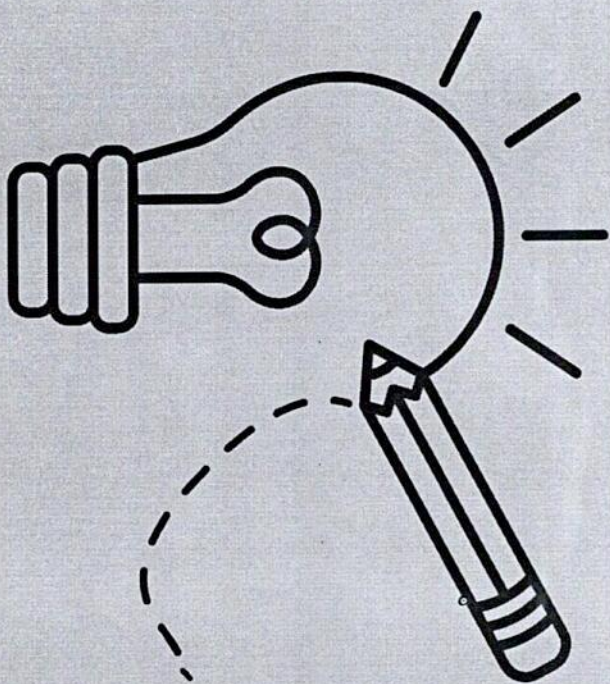
### Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Trong năm 2023, Công ty không phát sinh hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ.

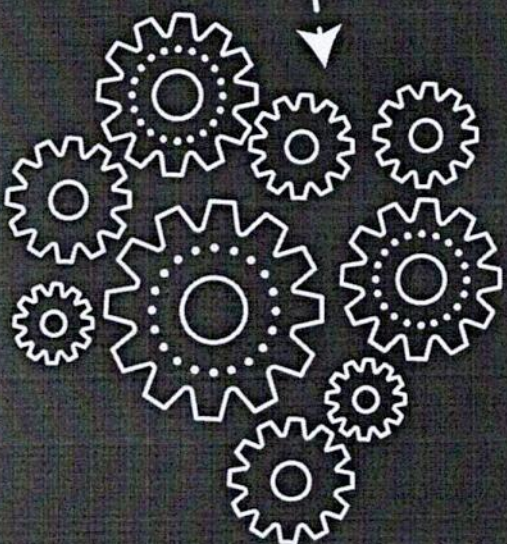
### Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Các quy định về quản trị Công ty luôn được chú trọng và tuân thủ triệt để. Các quy định về quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ đang được hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu luật định. Quy chế quản trị nội bộ cũng đã đang trong tiến trình bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị công ty cũng như yêu cầu luật định.

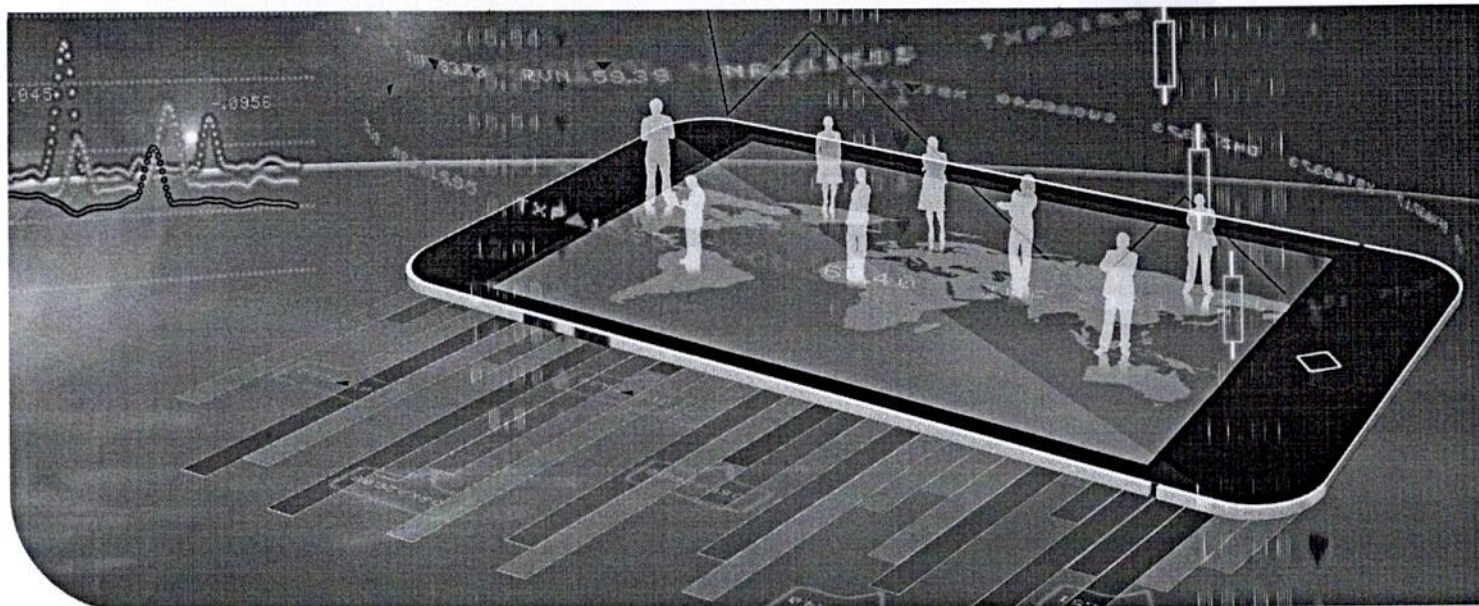




CHƯƠNG 03.  
**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**





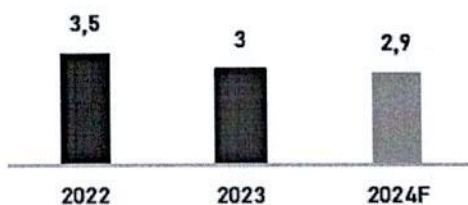


# Bối cảnh thế giới 2023

Trong năm vừa qua, môi trường kinh doanh thế giới phải đối mặt với nhiều yếu tố bất định và khó khăn. Các xung đột liên tiếp xảy ra và kéo dài ở nhiều nơi trên thế giới như Trung Đông, Biển Đỏ, xung đột tại Nga - Ukraina. Các tình trạng thời tiết cực đoan, mất mùa, hạn hán kéo dài xảy ra ở nhiều nơi, trong đó có trận động đất kinh hoàng tại Thổ Nhĩ Kỳ - Syria. Trong bối cảnh đó, ảnh hưởng của các cuộc xung đột, thiên tai và những ảnh hưởng còn lại của sau 2 năm đại dịch Covid diễn ra, thế giới bắt đầu bước vào giai đoạn hồi phục, tuy nhiên bị ảnh hưởng bởi những yếu tố bất định, gây nên những ảnh hưởng trực tiếp/gián tiếp lên giá cả hàng hóa, sản xuất kinh doanh và sự suy yếu của cầu tiêu dùng.

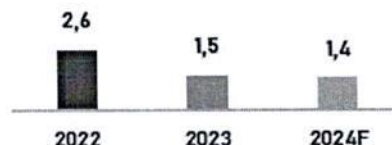
**Tăng trưởng kinh tế toàn cầu giảm tốc**, theo ước tính của IMF tại báo cáo định kỳ tháng 10/2023, ước tính tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2023 đạt 3,0%, giảm 0,5% so với mức tăng trưởng năm trước đó và thấp hơn mức tăng trưởng trung bình là 3,8% trong giai đoạn từ 2000 đến 2019. Trong năm 2023, Mức tăng trưởng GDP của các nước phát triển đạt 1,5%, giảm 1,1% so với mức tăng trưởng của năm 2022. Tăng trưởng GDP các nước đang phát triển giảm nhẹ và đạt 4,0% trong năm 2023, do phản ánh khủng hoảng lĩnh vực bất động sản ở Trung Quốc.

Tăng trưởng GDP toàn cầu

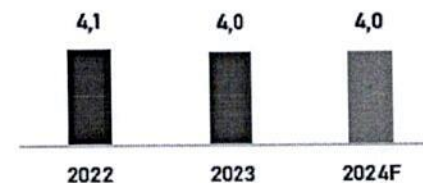


**Lạm phát toàn cầu được kiểm soát và có xu hướng suy giảm đều về mức mục tiêu**, mức lạm phát toàn cầu được dự báo đạt 6,9% vào năm 2023, và 5,8% vào năm 2024. Trước diễn biến lạm phát giảm và bắt đầu đến giai đoạn cuối cùng của chu kỳ lạm phát. Một số yếu tố rủi ro lớn trên thế giới đang trở nên lạc quan hơn so với trước đó, do nghị quyết giải quyết trần nợ công tại Hoa Kỳ, Chính quyền Thụy Sĩ và Hoa Kỳ đã hành động để giải quyết viễn cảnh rủi ro “hạ cánh cứng” đã qua đi. Tuy nhiên, IMF đánh giá lạm phát cơ bản vẫn còn quá cao ở hầu hết các quốc gia và các chính sách còn có thể dao dằng kéo dài. Cuộc khủng hoảng Bất động sản tại Trung Quốc có nguy cơ lan rộng, căng thẳng địa chính trị leo thang dẫn đến giá cả hàng hóa và năng lượng, khả năng trao đổi hàng hóa.

Tăng trưởng GDP các nước phát triển



Tăng trưởng GDP các nước đang phát triển





# Kinh tế Việt Nam 2023

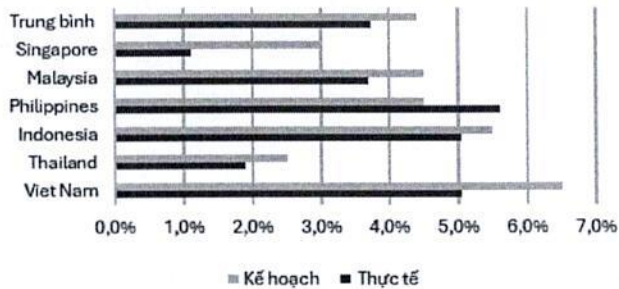
Tốc độ tăng trưởng GDP 2023 của Việt Nam có sự suy giảm nhẹ và đạt mức 5,05% so với cùng kỳ.

GDP năm 2023 của Việt Nam ước tính đạt 10.221,8 nghìn tỷ đồng, tương đương 430 tỷ USD. Tăng trưởng GDP năm 2023 so với năm 2022 đạt 5,05%, giảm 3,07% so với mức tăng năm 2022, và thấp hơn so với mức kế hoạch năm 2023 Chính phủ đề ra là 6,5%.

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế trong năm đến từ:

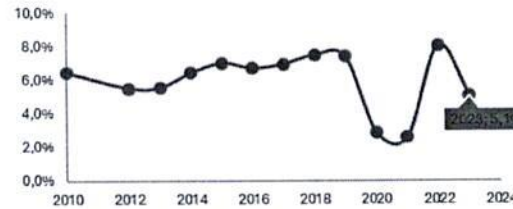
- 1/ Khu vực dịch vụ tăng 6,82% svck, chiếm tỷ trọng;
- 2/ khu vực công nghiệp và xây dựng tăng trưởng 3,74% svck, chiếm 37,12% tổng giá trị;
- 3/ Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng 3,38% svck, chiếm tỷ trọng 11,96%;
- 4/ Thuế sản phẩm từ trợ cấp chiếm 8,38%.

Tương quan tăng trưởng GDP một số nước trong khu vực

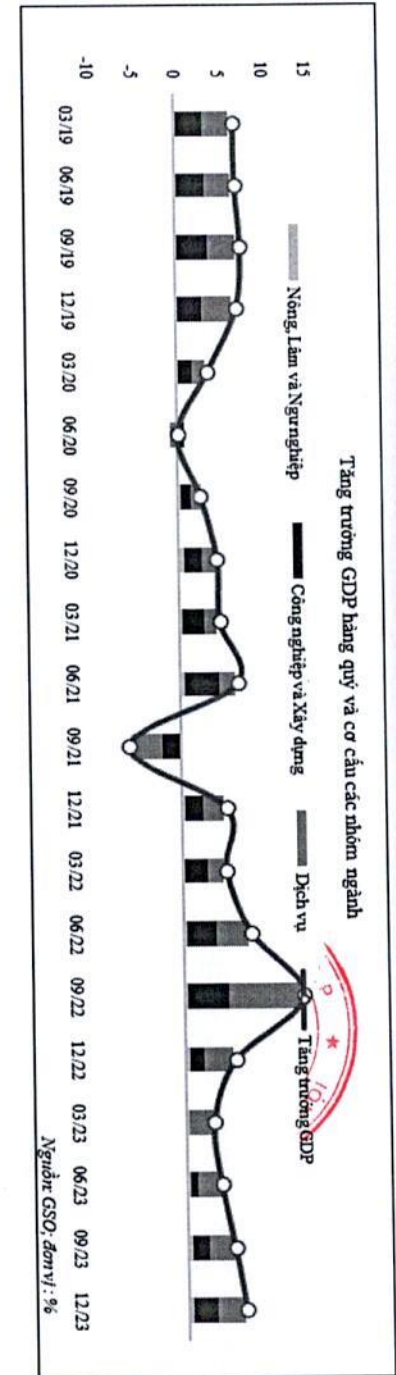


Nguồn: Tổng hợp nhiều nguồn; đơn vị: %

Tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2010-2023



Nguồn: GSO; đơn vị: %

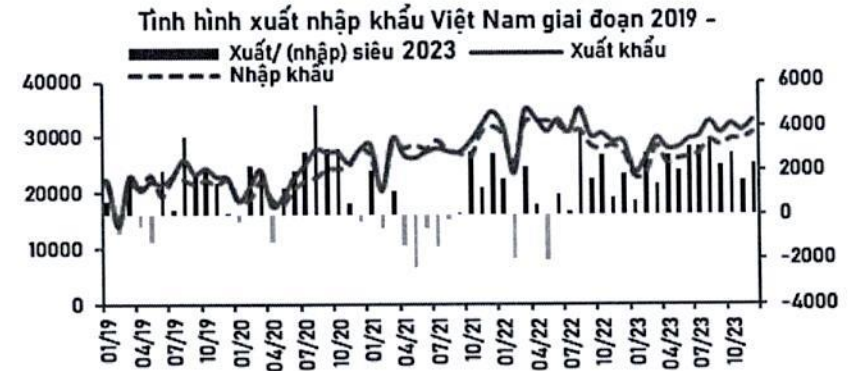
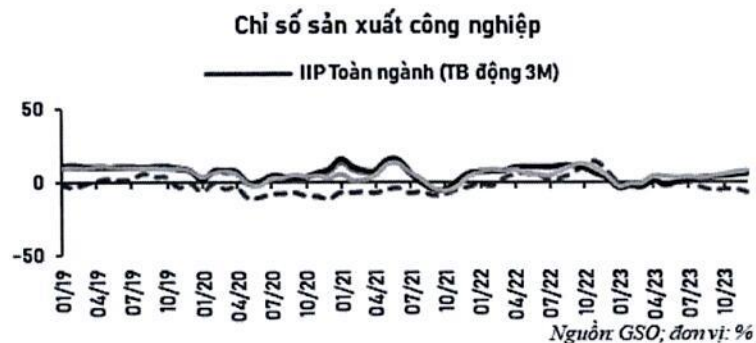
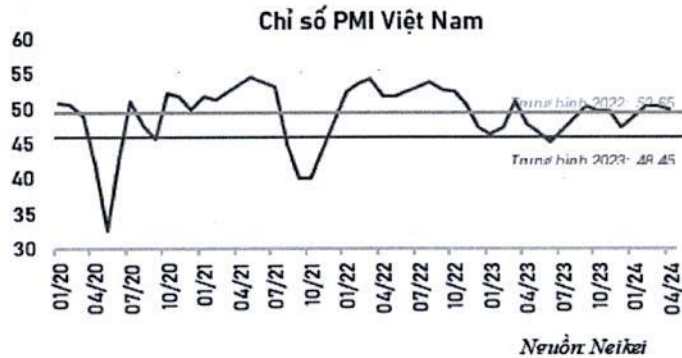




# Kinh tế Việt Nam 2023

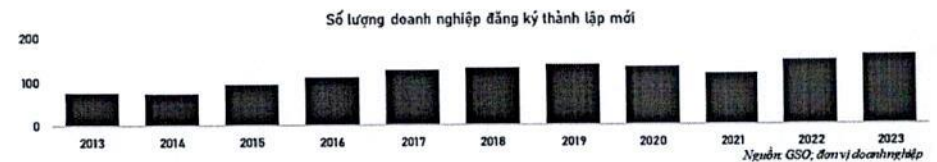
Môi trường đầu tư tiếp tục mở rộng và kỳ vọng nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng, mặc dù nhu cầu suy giảm trong ngắn hạn

Tình hình sản xuất của các doanh nghiệp suy giảm, chỉ số PMI trung bình năm năm 2023 có sự suy giảm mạnh do đơn đặt hàng mới giảm do nhu cầu yếu, dẫn đến sản lượng giảm tương ứng trong khi các hoạt động mua hàng và việc làm của người lao động gần như không thay đổi. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp của Việt Nam trung bình trong năm cũng có sự tăng trưởng trung bình thấp hơn khi so sánh với mức nền năm 2022.



Kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 681 tỷ USD, giảm 6,9% so với năm 2022, giá trị xuất siêu đạt 28,3 tỷ USD, tăng 128% so với cùng kỳ, chủ yếu do lượng nhập khẩu giảm mạnh hơn so với xuất khẩu.

Tình hình đăng ký doanh nghiệp mới tính chung trong năm 2023 tăng gấp 1,2 lần so với năm 2022

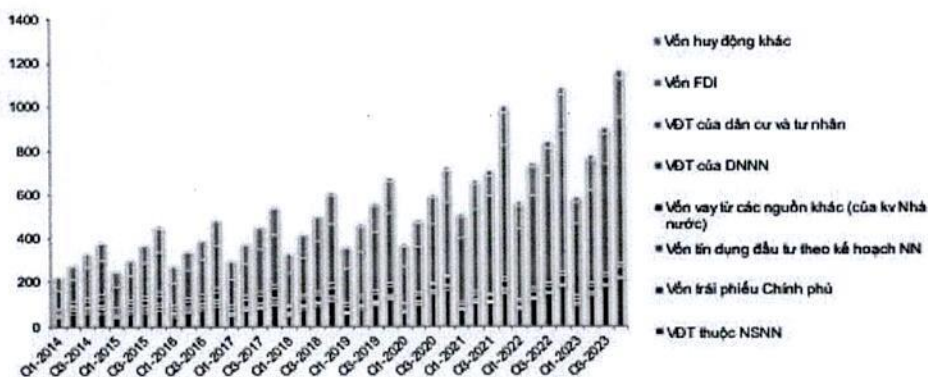




## Kinh tế Việt Nam 2023

**Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trong năm ước tính đạt 3423,5 nghìn tỷ đồng, tăng 6,2% so với cùng kỳ.**

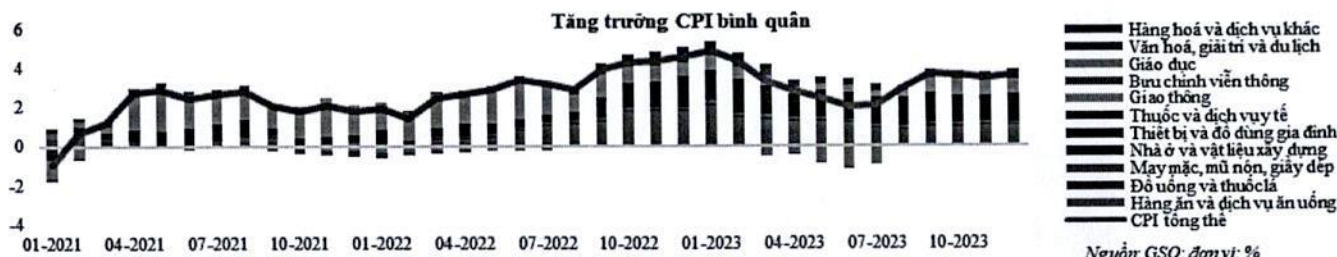
Trong đó vốn khu vực Nhà nước tăng 14,6%, khu vực tư nhân tăng 2,7% và khu vực FDI tăng 5,4%. Trong đó, vốn FDI đã thực hiện trong năm đạt mức cao nhất trong vòng 5 năm qua, với mức 23,18 tỷ USD, tăng 3,5% svck. 2/ Giải ngân đầu tư công tiếp tục gia tăng với các dự án hạ tầng trọng điểm như đường cao tốc Bắc – Nam phía Đông, Dự án sân bay Long Thành, các dự án vành đai trọng điểm tại TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh,...



**Lạm phát trong nước được kiểm soát, tạo điều kiện nới lỏng chính sách và kích thích tăng trưởng kinh tế.**

**Trong năm 2023, tăng trưởng CPI bình quân cả năm của Việt Nam tăng 3,25% và đạt mục tiêu do Quốc hội đề ra tại mức dưới 4,5%.** Trong năm, một số điều chỉnh của Chính phủ và thay đổi giá trên thị trường đối với một số nhóm chỉ số giá ảnh hưởng tới mức tăng CPI bình quân, chủ yếu do: 1/ Nhóm nhà ở và vật liệu tăng; 2/ Nhóm chỉ số giáo dục; 3/ Nhóm lương thực; 4/ Nhóm điện sinh; và các nhóm chỉ số giảm theo biến động của thị trường thế giới giúp giảm đà tăng của CPI như: Nhóm Xăng dầu; Nhóm Gas.

Trước những kết quả đạt được trong năm, việc điều hành và kiểm soát lạm phát của nền kinh tế giúp SBV ban hành nhiều chính sách tiền tệ nới lỏng để hỗ trợ và thúc đẩy nền kinh tế bao gồm: Giảm mật bằng lãi suất cho vay, ổn định thị trường ngoại hối, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, triển khai các gói tín dụng hỗ trợ các ngành nghề, và giảm thuế GTGT từ 10% xuống 8%, ban hành và tháo gỡ các vướng mắc của thị trường trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản.



Nguồn: GSO; Đơn vị: %



## Kinh tế Việt Nam 2023

### **Mặt bằng lãi suất cho vay giảm mạnh và tăng trưởng tín dụng các tháng thấp hơn so với cùng kỳ.**

Với kết quả tích cực trong việc kiểm soát lạm phát, NHNN thực hiện liên tục giảm 4 lần lãi suất điều hành trong bối cảnh lãi suất thế giới tiếp tục tăng và neo ở mức cao với mức giảm từ 0,5% - 2,0%/năm trong năm 2023 để nhằm mục tiêu hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Trên thực tế, NHNN đã thực hiện 4 lần giảm lãi suất điều hành trong năm bắt đầu ngày 15/03/2023 đến ngày 19/06/2023. Trong nửa đầu năm, việc giảm lãi suất đã giúp lãi suất huy động giảm tương ứng, lãi suất huy động bình quân 12 tháng của 4 NHTM BIDV, VCB, Agribank và Vietinbank tại tháng 12/2023 ở mức 4,95%, giảm 2,45% từ mức 7,4%/năm tại thời điểm T12/2022.

### **Tăng trưởng tín dụng năm 2023 các tháng trong năm chậm, mặc dù NHNN thực hiện cắt giảm lãi suất để kích thích tăng trưởng kinh tế, khuyến khích nguồn vốn đi vào nền kinh tế và cung cấp vốn để mở rộng hoạt động kinh doanh.**

Năm 2023, tăng trưởng tín dụng toàn ngành ngân hàng đạt khoảng 13,5%. Tuy nhiên, mức trên thấp hơn so với kế hoạch là khoảng 14-15% và tăng trưởng lũy kế các tháng trong năm có mức nền thấp hơn rất nhiều so với hai năm trước đó. Trong tháng 12, tăng trưởng tín dụng tăng mạnh 20 ngày cuối năm với mức tăng lũy kế thêm trong năm là khoảng 4,55%, dư nợ chiếm 20% tổng dư nợ cho vay trong năm. Bên cạnh đó, tăng trưởng huy động lại tiếp tục đạt mức cao, tăng trưởng tín dụng lũy kế đạt 14% trong năm 2023, cao hơn mức tăng trưởng huy động so với năm trước đó là 7,98%.

### **Áp lực tỷ giá và chính sách ổn định tỷ giá**

Song song với định hướng nới lỏng chính sách của Ngân hàng Nhà nước, diễn biến tỷ giá USD/VND có phần ổn định trong nửa đầu năm 2023. Tuy nhiên, cuối năm 2023, tỷ giá chứng kiến một đợt tăng mạnh kể từ đầu tháng 07/2023 với mức tăng từ 23620 VND lên 24720 tương ứng với mức tăng gần 4,7%. Sự gia tăng mạnh vào nửa cuối năm, chủ yếu là do FED thực hiện thắt chặt chính sách tiền tệ thông qua các hoạt động mua tài sản và tăng lãi suất để kiềm chế lạm phát, điều này giúp giá trị đồng USD tăng mạnh dẫn đến tỷ giá trong giai đoạn bật tăng và việc NHNN thực hiện chính sách tiền tệ lệch pha bằng việc thực hiện nới lỏng dẫn đến thị trường ngoại hối lại chứng kiến bật tăng mạnh của tỷ giá USD/VND.

Để điều tiết thị trường, Ngân hàng nhà nước thực hiện nhiều biện pháp linh hoạt qua kênh nghiệp vụ thị trường mở OMO để bơm/hút bớt lượng tiền dôi dào trong hệ thống để kiểm soát áp lực tỷ giá đang tăng mạnh. Cụ thể, NHNN đã thực hiện 2 đợt hút tiền trong năm, đợt 1 từ 03/02- 02/03 với giá trị hút ròng 239 nghìn tỷ đồng, đợt 2 từ 21/09 - 08/11 với giá trị 194 nghìn tỷ đồng. Việc kiểm soát và ổn định tỷ giá theo đều sẽ khiến thanh khoản thị trường và lãi suất đều bị ảnh hưởng tiêu cực. Theo đó, LS LNH bật tăng mạnh sau mỗi lần NHNN thực hiện hút ròng khối lượng tiền khỏi hệ thống, cụ thể, lãi suất liên ngân hàng qua đêm bật tăng mạnh trong đợt hút ròng thứ nhất từ 0,92%/năm lên mức đỉnh 7,88%/năm và trong đợt hút thứ 2 tăng từ 0,15%/năm lên mức đỉnh 2,84%/năm. Theo dự báo của IMF, các Ngân hàng TW lớn trên thế giới đều đang ở giai đoạn cuối chu kỳ lạm phát. Do đó, trong năm 2024, áp lực tỷ giá nhiều khả năng sẽ giảm bớt áp lực hơn so với giai đoạn nửa cuối năm 2023.



# Tổng quan thị trường tài chính

## Thị trường Cổ phiếu niêm yết

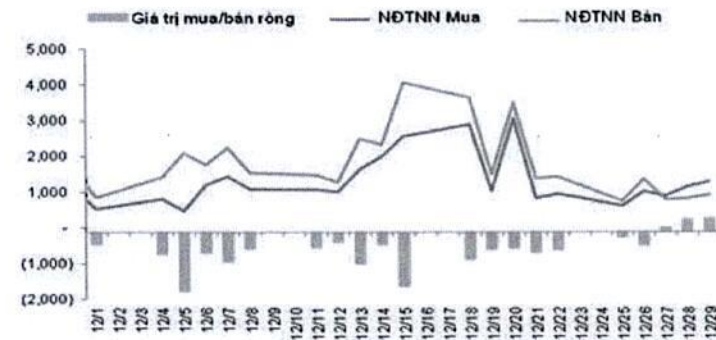
Năm 2023 đã đánh dấu một giai đoạn hồi phục đối với thị trường chứng khoán Việt Nam khi chỉ số VNINDEX đạt 1129,9 điểm, tăng 12,2% so với cuối năm 2022. Mức đỉnh của thị trường trong năm thiết lập tại 1245 điểm trong tháng 9, và mức thấp nhất của thị trường thiết lập tại 1021 điểm trong tháng 2. Tuy nhiên với một năm nhiều sự kiện vĩ mô xảy ra khiến đà hưng phấn của thị trường không diễn ra được lâu. Các yếu tố như sự suy giảm của các nền kinh tế lớn, lạm phát dai dẳng khiến các NHTW các nước tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, dù cho NHNN Việt Nam vẫn cố gắng tiếp tục nới lỏng.



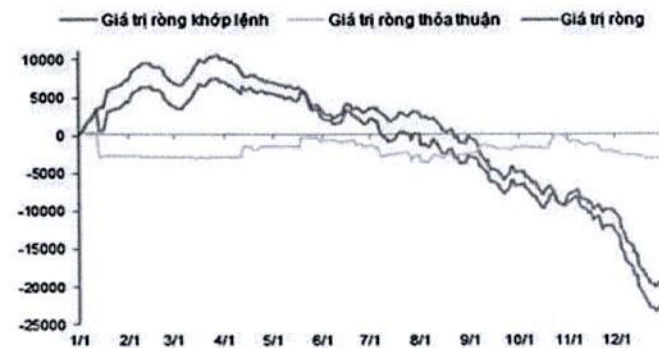
Ảnh hưởng từ những tác động bên ngoài và việc điều tiết chính sách của NHNN bên trong đã tác động mạnh mẽ đến biến động thị trường. Thanh khoản thị trường trong năm 2023 bình quân mỗi phiên đạt 15120 tỷ đồng, giảm 11,07% so với năm 2022. Khối lượng giao dịch bình quân đạt 736,7 triệu cổ phiếu, tăng 12,62% so với năm 2022. Diễn biến giao dịch có sự khởi sắc trong quý III, khi giá trị giao dịch trung bình trong giai đoạn này tăng mạnh với giá trị trung bình mỗi phiên đạt 23373 tỷ đồng, tăng 71% so với giá trị giao dịch trung bình trong Quý I và Quý II. Thanh khoản đạt kỉ lục trong tháng 09 với tổng giá trị giao dịch trung bình phen đạt khoảng 26,772 tỷ đồng, chỉ số VN Index thiết lập đỉnh trong năm tại mức 1245 điểm.

Mặc dù thanh khoản thị trường có giai đoạn thị trường có sự gia tăng mạnh mẽ, tuy nhiên dòng tiền khối ngoại lại có xu hướng rút ròng trong suốt khoảng thời gian từ tháng 07/202. Cụ thể giá trị ròng lũy kế của khối ngoại rút ra trong năm là 22.808 tỷ đồng. Do lãi suất thị trường đạt đáy theo định hướng của NHNN kể từ tháng 07/2023 dẫn đến lợi suất đầu tư TPCP Việt Nam có mức chênh lớn so với TPCP Mỹ trong thời gian vừa qua. Cụ thể, ngày 25/12/2023, mức chênh được nới rộng ra tới 1,47%, việc này khiến dòng vốn ngắn hạn rút ra khỏi Việt Nam và đầu tư vào những tài sản có mức lợi suất cao hơn. Tuy nhiên, xét theo thanh khoản chung của thị trường, tỷ lệ giá trị mua/bán của khối ngoại chiếm tỷ lệ không đáng kể so với giá trị giao dịch trung bình của thị trường.

Giao dịch khối ngoại trong tháng



Giá trị giao dịch của NĐTNN lũy kế từ đầu năm 2023

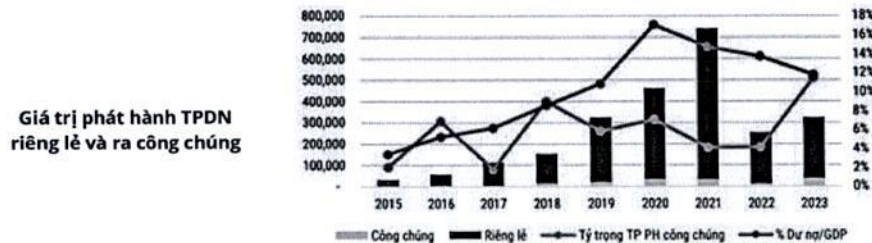
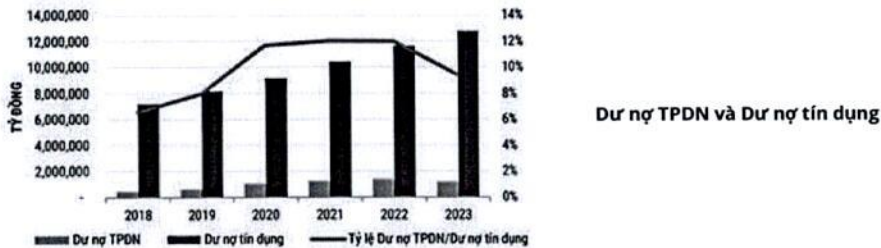




# Tổng quan thị trường tài chính

## Tổng quan thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Tính đến hết năm 2023, thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) đã xuất hiện tín hiệu phục hồi khi một số nhà đầu tư quan tâm trở lại khi mức lãi suất tốt hơn so với các kênh đầu tư khác. Cụ thể, tổng giá trị phát hành trong năm đạt 324,234 tỷ đồng, tăng 20,2% so với năm trước. Điều này thể hiện trên thị trường TPDN khi tại thời điểm quý 1, hầu như không có đợt phát hành nào, song từ quý 2 trở đi, tháng sau khối lượng phát hành đều cao hơn tháng trước. Đặc biệt trong quý 3, hoạt động phát hành TPDN bật tăng mạnh với giá trị phát hành cao gấp gần 2,7 lần so với quý trước đó và tăng tới 36,2% so với cùng kỳ. Lượng phát hành tăng mạnh tại thời điểm quý 4/2023, tổng giá trị phát hành đạt 324,234 tỷ đồng, tăng 20,2% so với cùng kỳ. Thị trường TPDN có cơ cấu nhà đầu tư chủ yếu là các nhà đầu tư tổ chức chiếm 93,2%, trong đó các ngân hàng thương mại chiếm đến 54,5% số lượng các nhà đầu tư tổ chức. Các nhà đầu tư cá nhân chiếm khoảng 6,8% toàn thị trường. Theo đó, cơ cấu huy động của thị trường chủ yếu tập trung vào phương thức phát hành riêng lẻ, chiếm tỷ trọng khoảng 88,5% tổng giá trị phát hành và phương thức phát hành ra công chúng chiếm tỷ trọng khoảng 11,43%.



So với cùng kỳ năm ngoái, giá trị phát hành TPDN trong quý 4 đã tăng mạnh hơn 7 lần lên 135,081 tỷ đồng. Xét theo số liệu tổng cả năm 2023, Ngân hàng là nhóm ngành có tổng giá trị phát hành lớn nhất với 151 nghìn tỷ đồng, chiếm 61,2%, tăng 0,28% so với năm trước. Sau đó là nhóm ngành bất động sản với tổng giá trị phát hành đạt 46 nghìn tỷ đồng, chiếm 18,7% và tăng 18,7% so với năm trước.

Lãi suất TPDN bình quân trong 12 tháng năm 2023 đạt 8,3%, cao hơn so với mức trung bình 7,9% của năm 2022. Trong đó, trái phiếu ngân hàng là nhóm có giá trị phát hành cao nhất với khoảng 138.300 tỷ đồng, tăng 1% so với cuối năm 2022, chiếm tỷ trọng 56,2% so với tổng giá trị. Lãi suất bình quân gia quyền của trái phiếu ngân hàng là 6,7%/năm, kỳ hạn bình quân 4,8 năm.

Trong quý 4/2023, giá trị trái phiếu được mua lại trước hạn là 67,778 tỷ đồng, giảm 22% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, tới hơn 85% là trái phiếu thuộc nhóm Ngân hàng với 57,939 tỷ đồng, tương đương 14.1% dự nợ trái phiếu nhóm này. Có 2 nguyên nhân lý giải do cho vấn đề này, thứ nhất, tài chính của nhóm Ngân hàng dồi dào nên có thể chủ động mua lại trái phiếu, trong khi các doanh nghiệp phi ngân hàng vẫn còn nhiều khó khăn về dòng tiền. Thứ hai, nỗ lực thỏa thuận giữa tổ chức phát hành và nhà đầu tư đã hạn chế việc yêu cầu tổ chức phát hành mua lại bắt buộc, thay vào đó là gia hạn hoặc hoán đổi trái phiếu thành tài sản khác.

Áp lực đáo hạn vào năm 2024-2025 là tương đối lớn khi nhiều trái phiếu đáo hạn vào 2023 được gia hạn thêm 1-2 năm. Từ đầu năm 2023, khoảng 36,915 tỷ đồng trái phiếu đã được kéo dài thời gian đáo hạn sang giai đoạn 2024 - 2025. Giá trị trái phiếu đến hạn vào năm 2024 và 2025 lần lượt là 278,210 tỷ đồng và 294,436 tỷ đồng, trong đó có khoảng 40% là trái phiếu bất động sản. 2024 cũng là năm mà một số điều thuộc Nghị định 08 hết hiệu lực và áp dụng trở lại Nghị định 65, hoạt động phát hành để đảo nợ có thể sẽ gặp khó khăn khi các quy định về phát hành trở nên chặt chẽ hơn.



## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Năm 2023 là một năm kinh tế thế giới và khu vực chứng kiến sự giảm tốc trong tăng trưởng kinh tế, nhiều yếu tố bất định xảy ra làm tác động sâu sắc đến tính ổn định, sự phát triển và kỳ vọng của thị trường. Kinh tế vĩ mô của Việt Nam cũng đã phải chịu những tác động mạnh mẽ từ những ảnh hưởng lớn dẫn đến sự giảm tốc trong tăng trưởng GDP, suy giảm hoạt động thương mại quốc tế, những sự biến động thị trường biến động lớn đã phần nào ảnh hưởng cả trực tiếp lên thị trường chứng khoán trong năm 2023. Nửa đầu năm vừa qua, thị trường cổ phiếu chứng kiến sự trầm lắng trong giao dịch, thị trường trái phiếu sơ cấp ảm đạm với giá trị phát hành tiếp tục duy trì ở mức thấp. Sang đến nửa cuối năm, thị trường có phần sôi động trở lại nhưng vẫn còn đó những yếu tố tiêu cực vẫn hiện hữu làm giảm đà tăng đầy hưng phấn của thị trường trong Quý IV. Trong môi trường đặc thù trên, NVS đã vượt qua những trở ngại và ghi nhận kết quả kinh doanh đầy khả quan.

TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG **97,7** TỶ VNĐ

LỢI NHUẬN SAU THUẾ **37,5** TỶ VNĐ

▼ **27,9%** SO VỚI NĂM 2022

▲ **3024%** SO VỚI NĂM 2022

Doanh thu thuần **91,7** tỷ

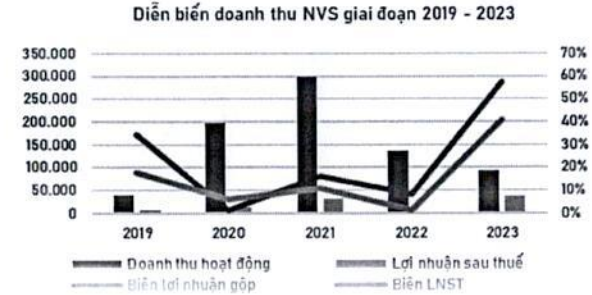
giảm 32,2% so với năm 2022

Doanh thu từ hoạt động tài chính **0,17** tỷ

giảm 60% so với năm 2022

Thu nhập khác **5,8** tỷ

Biên lợi nhuận gộp của NVS được cải thiện mạnh mẽ tăng từ 8,01% vào năm 2022 lên 57,22% vào năm 2023.



Nguồn: BCTC NVS, đơn vị: triệu đồng

Xét cơ cấu doanh thu theo nghiệp vụ, doanh thu lãi tài sản tài chính đạt 87 tỷ đồng, chiếm 89% tổng cơ cấu doanh thu các hoạt động. Trong đó, lãi từ hoạt động FVTPL đạt 80,5 tỷ đồng và lãi từ hoạt động HTM đạt 6,9 tỷ đồng. Tiếp theo là đến hoạt động môi giới và hoạt động lưu ký chứng khoán với doanh thu đạt lần lượt là 1,38 tỷ đồng và 1,32 tỷ đồng, tương ứng chiếm 1,4% mỗi nghiệp vụ. Các nghiệp vụ còn lại có mức doanh thu đạt khoảng 7,5 tỷ đồng, chiếm 7,7% trên tổng doanh thu.

Cơ cấu nguồn thu NVS năm 2023



Nguồn: BCTC NVS

Tỷ số lợi nhuận ròng/Vốn chủ sở hữu BQ (ROEA) năm 2023 là 12,54%

Tỷ số lợi nhuận ròng/Tổng tài sản BQ (ROAA) là 9,28%

Năm 2023, Công ty không có khoản đầu tư lớn được giải ngân. Hiện nay, Công ty không có công ty con, công ty liên kết





**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN**

Chỉ tiêu (đơn vị: Triệu đồng)	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng/Giảm
Tổng giá trị tài sản	430.580	386.732	-10,18%
Tài sản ngắn hạn	479.956	376.647	-10,31%
Doanh thu hoạt động	135.303	91.901	-32,08%
Kết quả hoạt động	1.534	41.537	2607,76%
Lợi nhuận khác	-12	5.647	-47158,33%
Lợi nhuận trước thuế	1.522	47.184	3000,13%
Lợi nhuận sau thuế	1.203	37.934	3053,28%

**Tình hình tài chính**

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	2.86	5.78	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	0.99	1.43	
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0.34	0.16	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0.52	0.20	
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0.31	0.22	
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	0.89	41.28	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bq	%	0.42	12.54	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bq	%	0.27	9.28	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	8.01	57.31	

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Đơn vị: Đồng)



## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN (tiếp)

### Kết quả hoạt động theo từng bộ phận trong năm 2023

#### Khối Dịch vụ ngân hàng đầu tư

Dịch vụ ngân hàng đầu tư vẫn là hoạt động thế mạnh của NVS trong nhiều năm qua. Thành quả của Khối Dịch vụ ngân hàng đầu tư không chỉ thể hiện ở kết quả trực tiếp ở doanh thu dịch vụ mà còn ở việc giúp tạo ra cả doanh thu cho Khối Môi giới, phòng Tự doanh nhờ hoạt động của Khối.

Trong năm 2023, do ảnh hưởng từ thị trường trái phiếu nên hoạt động tư vấn và thu xếp phát hành trái phiếu của Khối phải tạm dừng. Tuy nhiên, thành quả trong các năm trước từ hoạt động của Khối vẫn tiếp tục đóng góp vào doanh thu và lợi nhuận của công ty thông qua các hoạt động của Khối Môi giới và phòng Tự doanh có được nhờ các giao dịch thu xếp vốn thành công trước đó của Khối. Nhằm đa dạng hóa dịch vụ, năm 2023 Khối Dịch vụ ngân hàng đầu tư đã tập trung khai thác mảng M&A các dự án năng lượng và tư vấn IPO, niêm yết. Tuy nhiên, kết quả còn hạn chế do đặc thù của các giao dịch có giá trị lớn, điều kiện thị trường chưa thuận lợi. Mặc dù vậy Khối cũng đã xây dựng được tập khách hàng và danh mục M&A quan trọng.

Trong năm 2023, Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư đã thành công hoàn thành 02 dự án tư vấn lớn là: Tư vấn niêm yết cổ phiếu lên sàn HSX của CTCP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba và Tư vấn niêm yết trái phiếu lên HNX của CTCP Tonkin Land; thành công ký kết 06 Hợp đồng tư vấn với các đối tác: CTCP Tập đoàn Tài Tâm, CTCP Địa ốc An Huy, CTCP Chế biến Thực phẩm và Nước giải khát Việt - Mỹ (Camel), CTCP Licogi 13, CTCP Vgroup, CTCP giải pháp năng lượng gió HBRE. Ngoài ra, Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư của Công ty hiện đang hợp tác, trao đổi công việc với hơn 19 đối tác lớn nhỏ trong và ngoài nước như: CTCP Tập đoàn Tài Tâm; CTCP Địa ốc An Huy, CTCP Chế biến Thực phẩm và Nước giải khát Việt - Mỹ (Camel), CTCP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba (Siba Group), Tổng công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-CTCP, CTCP Tonkin Land, CTCP Điện cơ (EME), CTCP Đầu tư Xanh Đức Sơn, CTCP Điện tái tạo Miền Bắc, CTCP Licogi 13, CTCP In và Bao bì Goldsun, Công ty TNHH Bao bì Thông minh Intbox, Astro Capital Company Limited, Taiشو Vietnam Co.,Ltd, China HuaNeng International Engineering & Technology Co.,Ltd, China Gezhouba Group International Engineering Co.,Ltd, Chow Energy Public Company Limited, CTCP Tập đoàn Sao Mai, CTCP Vgroup...

#### Khối Công nghệ thông tin

Hệ thống Công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng và phần mềm) là một trụ cột quan trọng trong hoạt động của CTCK nói chung và NVS nói riêng. Khối Công nghệ thông tin năm vừa qua đã hoạt động một cách có hiệu quả, với liên tục các hoạt động với các từ khóa như: rà soát, tối ưu, nâng cấp, xây dựng... Bởi hệ thống Công nghệ thông tin chính là một trong những huyết mạch quan trọng của Công ty chứng khoán. Năm 2023, NVS đã có những đầu tư hợp lý và quyết liệt để đảm bảo chuẩn bị cho hoạt động của công ty hiện tại cũng như những kế hoạch phát triển trong thời gian tới. Cụ thể:

**Về nhân sự:** Năm 2023, NVS triển khai bổ sung và kiện toàn nhân sự Khối CNTT và thành lập Phòng Giải pháp phần mềm nhằm đảm bảo chuẩn bị nhân sự cho việc triển khai các ứng dụng giao dịch cho NVS trong thời gian tới.

**Về phần mềm hỗ trợ giao dịch:**

- NVS nằm trong số 17 CTCK đầu tiên đạt yêu cầu trong đợt kiểm thử giai đoạn FAT của Hệ thống CNTT KRX.
- NVS đã chuẩn bị sẵn sàng hạ tầng để phục vụ hoạt động giao dịch trái phiếu riêng lẻ.
- NVS cũng đã rà soát và chỉnh sửa hệ thống để đáp ứng các yêu cầu về pháp luật cho hoạt động giao dịch.
- Ngoài ra, kế hoạch nâng cấp phần mềm phục vụ cho hoạt động NVS trong 03 năm tới của Khối CNTT đã xong sơ bộ, đang trong quá trình đệ trình lên TGD để xin ý kiến.

**Về hạ tầng giao dịch:** Nối tiếp việc nâng cấp hệ thống lưu trữ dữ liệu năm 2022, năm 2023, Khối CNTT tập trung vào rà soát về hệ thống mạng và bảo mật nhằm tối ưu hóa tốc độ và nâng cao khả năng an toàn cho hệ thống. NVS đã hoàn thành việc ký kết hợp đồng và đặt hàng gói nâng cấp hạ tầng mạng và bảo mật theo như đề xuất được thông qua tại cuộc họp HĐQT Quý 3/2023. Việc nâng cấp hạ tầng mạng và bảo mật dự kiến sẽ triển khai xong trong đầu quý 2 năm 2024. Sau khi hoàn thành, NVS chính thức chuyển đổi xong hệ thống hạ tầng đã bị lạc hậu hơn 10 năm, góp phần đảm bảo cho hệ thống giao dịch hoạt động an toàn, hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu của cơ quan chức năng.

#### Khối Môi giới chứng khoán

Năm 2023 tiếp tục là một năm thử thách với hoạt động môi giới cổ phiếu của NVS. Những diễn biến khó lường của tình hình chính trị, kinh tế thế giới, cộng thêm chính sách thắt chặt tiền tệ của các nước phát triển có ảnh hưởng tiêu cực tới thị trường chứng khoán Việt Nam. Giá trị giao dịch vì thế giảm mạnh so với năm 2022, cụ thể: Giá trị giao dịch toàn thị trường năm 2023 đạt 4.416.691 tỷ đồng, giảm 18,58% so với năm 2022 (5.424.492 tỷ đồng).

Điều này kéo theo giá trị giao dịch cổ phiếu niêm yết của Khách hàng tại NVS cũng bị sụt giảm, cụ thể: Giá trị giao dịch Cổ phiếu tại NVS năm 2023 đạt 842 tỷ đồng, giảm 65,06% so với năm 2022 (2.410 tỷ đồng). Ngoài ra còn có những khó khăn do quy mô vốn của công ty nhỏ, tiềm lực tài chính yếu nên không thể chạy đua về công nghệ và chính sách zero-fee với các CTCK lớn khiến thị phần môi giới cổ phiếu niêm yết của NVS tiếp tục sụt giảm.

Bất chấp những khó khăn chông chốt, đội ngũ Môi giới cổ phiếu niêm yết vẫn nỗ lực chăm sóc khách hàng trung thành. Bên cạnh đó Môi giới vẫn đảm bảo không phát sinh vi phạm và sửa lỗi giao dịch, tham gia đầy đủ hoạt động test hệ thống KRX góp phần đưa NVS là 1 trong 17 CTCK đầu tiên đạt yêu cầu của đợt kiểm thử.

Mảng lưu ký trái phiếu do sự khởi sắc nhờ hoạt động môi giới trái phiếu riêng lẻ. Trong năm 2023, bộ phận lưu ký trái phiếu đã xử lý tổng giá trị giao dịch trái phiếu lên tới 8.565.014.978.564 đồng. Ngoài ra, bộ phận lưu ký trái phiếu cũng góp phần vào doanh thu của Khối Môi giới thông qua các nghiệp vụ lưu ký khác liên quan tới trái phiếu.

#### Các khối hỗ trợ

Hoạt động của 03 Khối Công nghệ thông tin, Khối Môi giới và Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư có thể thuận lợi đạt những kết quả nêu trên là nhờ sự hỗ trợ vô cùng quan trọng của các bộ phận backoffice như Bộ phận xử lý giao dịch Tự doanh (thuộc phòng Tự doanh), phòng Tài chính Kế toán, phòng HCNS, phòng Pháp chế và KSNB.





## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trong bối cảnh nền kinh tế đang chứng kiến sự giảm tốc trong năm qua, tình hình địa chính trị biến động đã và đang ảnh hưởng sâu sắc đến thị trường tài chính Việt Nam, NVS đã triển khai đồng bộ những thế mạnh của mình đến từ sự linh hoạt và nhạy bén, cùng với sự chỉ đạo sát sao của Ban lãnh đạo để vượt qua những khó khăn và ghi nhận những kết quả khả quan trong năm 2023

So với năm 2022, doanh thu của các nghiệp vụ Tự doanh, Môi giới chứng khoán, doanh thu đến từ hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành đều có sự sụt giảm. Điều này dễ hiểu bởi chịu ảnh hưởng của diễn biến thị trường chứng khoán xấu, phức tạp và biến động không ngừng, sự biến động về giá chứng khoán dẫn đến hoạt động tự doanh và môi giới chứng khoán bị cản trở và gặp nhiều khó khăn.

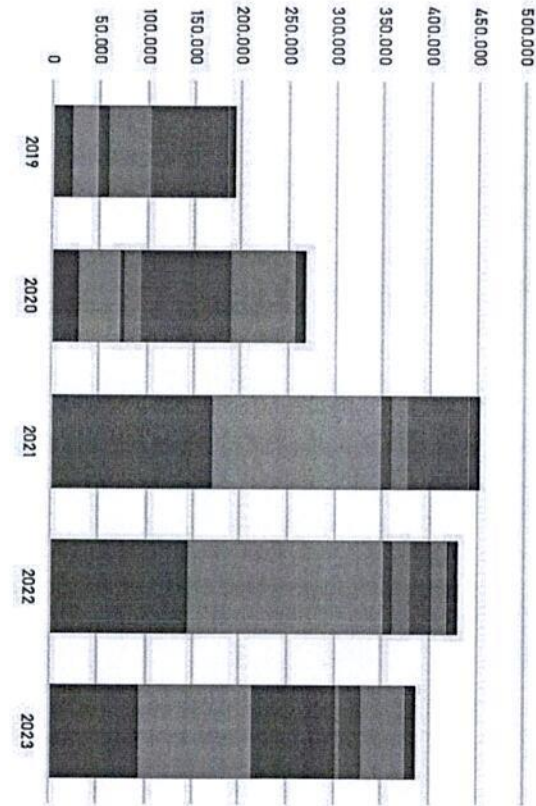
Năm 2023, các hoạt động phát hành chứng khoán diễn ra vô cùng ảm đạm, gần như bị tạm dừng, dẫn đến doanh thu từ hoạt động đại lý phát hành vốn là át chủ bài trong kết quả hoạt động mọi năm cũng đã bị ảnh hưởng mạnh. Tuy nhiên, đặt kết quả kinh doanh của năm 2023 trong bối cảnh thị trường chứng khoán để phân tích, sự sụt giảm này là không thể tránh khỏi, kết quả này vẫn cho thấy công ty vẫn đang hoạt động một cách hiệu quả và khả quan.

Mặc dù vậy, Công ty ghi nhận sự tăng lên từ doanh thu của hoạt động Lưu ký chứng khoán. Đạt được kết quả này là do trong năm qua, NVS đã không ngừng đẩy mạnh và cung cấp thêm các dịch vụ liên quan đến lưu ký Trái phiếu.

Tuy doanh thu năm 2023 có sự sụt giảm nhẹ, nhưng đồng thời chi phí hoạt động của năm 2023 cũng giảm đi đáng kể, so với năm 2022 đã giảm 68%. Do vậy, so với mức giảm của doanh thu thì chi phí hoạt động cũng đã giảm gấp đôi so với mức giảm của doanh thu, dẫn đến kết quả lợi nhuận của năm 2023 được tăng lên.

## Tình hình tài sản

Trong năm 2023, tổng tài sản của NVS đạt 386 tỷ đồng, giảm -10,2% so với năm 2022. Với đặc thù là công ty chứng khoán, NVS luôn duy trì cơ cấu tài sản dưới dạng tài sản tài chính nhằm phục vụ nhu cầu đầu tư và và cũng là công cụ để sử dụng đòn bẩy tài chính, hỗ trợ thanh khoản. Trong năm 2023, cơ cấu tài sản ngắn hạn chiếm 97,4% tổng tài sản, với giá trị đạt gần 376,6 tỷ VNĐ, giảm 10,3% so với cùng kỳ.



Cơ cấu tài sản NVS giai đoạn 2019 - 2023

- Tài sản dài hạn
- Tài sản ngắn hạn khác
- Các khoản phải thu ngắn hạn
- Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)
- Các khoản cho vay
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)
- Tiền và tương đương tiền

Nguồn: NVS, đơn vị: triệu đồng



## Tình hình tài sản (tiếp)

Trong đó, tiền và tương đương tiền ở mức gần 93,027 tỷ VNĐ, giảm 35% so với thời điểm cuối năm 2022. Đây phần lớn là các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng cho việc, sẵn sàng đảm bảo khả năng thanh khoản của công ty và thực hiện vai trò trung gian thanh toán giữa Tổ chức phát hành và Nhà đầu tư.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) cuối năm 2023 đạt mức 120 tỷ VNĐ, giảm 41% so với năm 2022 và chiếm 31,9% trong cơ cấu tài sản ngắn hạn. Thực hiện đầu tư và quản trị danh mục, NVS đã nhạy bén đánh giá và nắm bắt tình hình thị trường để ra quyết định đầu tư và phân bổ vào các loại tài sản tài chính có tiềm năng tăng trưởng, lợi suất hấp dẫn và có tính thanh khoản cao. Cơ cấu danh mục bao gồm 48,6% được phân bổ vào cổ phiếu, 51,3% được phân bổ vào trái phiếu chưa niêm yết. Quy trình đánh giá và đầu tư trái phiếu của NVS được đánh giá chặt chẽ, được bảo đảm bởi các tài sản có chất lượng cao, doanh nghiệp phát hành uy tín và có tiềm lực tài chính tốt.

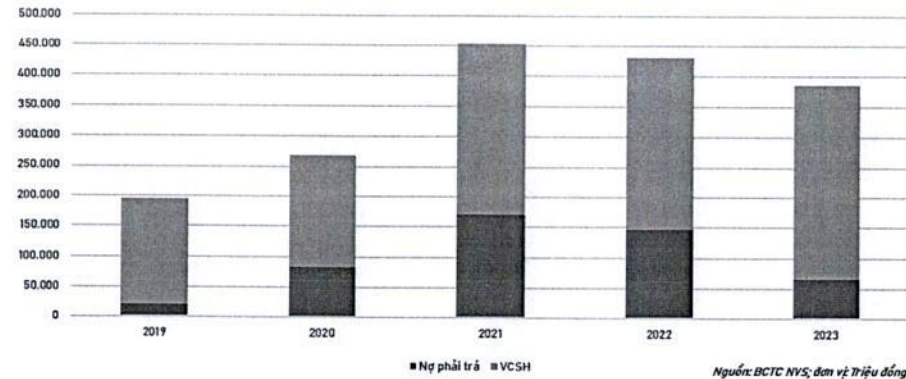
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) không ghi nhận sự thay đổi trong năm. Tuy nhiên, danh mục tài sản nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) ghi nhận mức tăng trưởng đáng kể, giá trị danh mục HTM đạt mức 89 tỷ, tăng 790% so với năm trước đó. Trong hoạt động nghiệp vụ của mình NVS đã tối ưu nguồn vốn ngắn hạn để cải thiện hoạt động kinh doanh và lợi nhuận trong năm. Các sản phẩm nắm giữ của hoạt động này là các hợp đồng tiền gửi tại các TCTD, do đó có thể đảm bảo về tính thanh khoản khi thực hiện triển khai các nghiệp vụ kinh doanh của NVS.

Bên cạnh đó, khoản mục phải thu tại thời điểm báo cáo đạt khoản 45,4 tỷ đồng, tăng 165% svck. Trong đó, chủ yếu là khoản mục phải thu do bán tài sản tài chính. Hoạt động cho vay khách hàng cũng của NVS có sự giảm mạnh, với dư nợ cho vay tại thời điểm 31/12/2023 là 4,1 tỷ đồng, giảm 78% so với thời điểm đầu năm.

## Tình hình nguồn vốn

Hoạt động hiệu quả quản lý nguồn vốn có vai trò quan trọng trong việc duy trì hoạt động và phân bổ tài sản đầu tư, giúp NVS cải thiện hoạt động và phát triển một cách hiệu quả.

Cơ cấu nguồn vốn NVS giai đoạn 2019 - 2023



Nguồn: BCTC NVS, đơn vị Triệu đồng

Đối với hoạt động huy động và quản lý nguồn vốn chủ sở hữu của NVS, trong giai đoạn từ 2019 đến nay, NVS đã thực hiện tăng vốn và nâng vốn điều lệ từ 187 tỷ lên 257 tỷ vào năm 2021. Theo đó, tình hình tài chính được tăng cường và tạo tiền đề để NVS mở rộng các hoạt động kinh doanh. Tính đến 31/12/2023, tổng giá trị vốn chủ sở hữu của NVS đạt 321 tỷ đồng với mức tăng trưởng ấn tượng là 13,25% và chiếm 83% tổng cơ cấu nguồn vốn. Theo đó, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đạt 69 tỷ đồng với mức tăng 116% là kết quả khả qua của NVS sau một năm hoạt động kinh doanh, đặc biệt trong bối cảnh thị trường có nhiều sự biến động

Với quan điểm thận trọng trong hoạt động kinh doanh, nợ phải trả của NVS được công ty duy trì ở mức thấp trong năm vừa qua. Tổng giá trị khoản nợ phải trả của NVS đạt 65,3 tỷ đồng, giảm 55,5% so với năm 2022. Trong cơ cấu nợ vay, công ty không thực hiện vay nợ dài hạn tại thời điểm báo cáo.

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trước những thách thức của thị trường, bối cảnh kinh tế vĩ mô và thị trường tài chính nói trên đặt ra thách thức vô cùng lớn đối với NVS trong năm 2023. Với mục tiêu duy trì ổn định hoạt động kinh doanh, giảm thiểu rủi ro trong đầu tư và đảm bảo tuân thủ pháp luật, dưới sự chỉ đạo điều hành quyết liệt của Ban lãnh đạo Công ty, cùng sự nhất trí của tập thể cán bộ nhân viên trong công ty, được sự hỗ trợ và tin tưởng của các đối tác và của Quý cổ đông, NVS vẫn đảm bảo hoạt động kinh doanh có lãi.

Trong năm 2023, tổng doanh thu hoạt động của NVS giảm 32,08% từ mức 135 tỷ xuống còn 91,9 tỷ. Trong đó, doanh thu từ môi giới chứng khoán giảm từ 4,9 tỷ xuống còn 1,6 tỷ đồng.

Nhờ chiến lược hoạt động đúng đắn mà công ty đã vượt qua năm 2023 nhiều sóng gió, trong điều kiện thị trường có nhiều biến động và còn khó khăn, kết quả này là đáng ghi nhận, tiếp tục tích lũy kinh nghiệm và nguồn lực cho giai đoạn thị trường hồi phục những năm tiếp theo.

Tại kế hoạch đề ra theo báo cáo của Tổng Giám đốc tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, lợi nhuận trước thuế đề ra đạt được là 10,10 tỷ đồng. Tuy nhiên, đến nay lợi nhuận trước thuế đạt được là hơn 47 tỷ đồng, gấp hơn 4 lần so với kế hoạch đã đề ra.

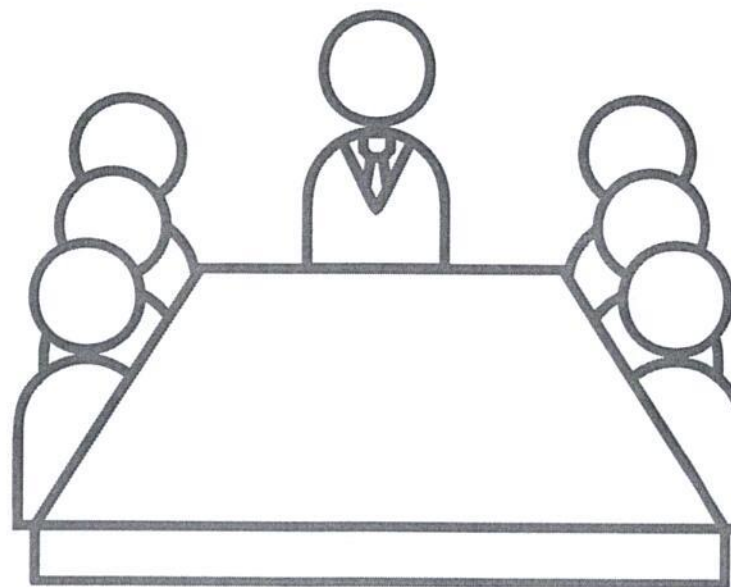
Tuy kết quả ghi nhận doanh thu năm 2023 có sự giảm nhẹ, nhưng chi phí hoạt động đã được giảm đi đáng kể, do vậy đưa đến kết quả lợi nhuận tăng lên.

Xét trong thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2023 với tính phức tạp, diễn biến khó lường, để một công ty chứng khoán với số vốn điều lệ nhỏ như NVS đạt được mức lợi nhuận tăng mạnh như vậy là sự nỗ lực, cố gắng, phối hợp không ngừng nghỉ từ sự đồng lòng, dốc sức và cố gắng không ngừng nghỉ từ toàn thể cán bộ nhân viên Công ty trong năm 2023.

## Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

-Thông qua cơ chế giám sát, kiểm tra và đánh giá định kỳ hàng tháng, hàng quý, bán niên và năm về kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Giám đốc đã hoàn thành các tốt nhiệm vụ được giao, tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, đảm bảo lợi ích tối đa của Công ty. Hội đồng quản trị đánh giá cao sự chỉ đạo quyết liệt của Ban Giám đốc Công ty cùng những nỗ lực và đóng góp của toàn thể cán bộ, nhân viên NVS trong việc duy trì kết quả kinh doanh ổn định của năm 2023.

-Ngoài ra, Hội đồng quản trị còn đánh giá cao những chính sách liên quan đến việc sử dụng lao động, chính sách đãi ngộ và các hoạt động phát triển văn hóa công ty, tạo sự đoàn kết, gắn bó trong môi trường làm việc, cùng việc đẩy mạnh việc quảng bá hình ảnh Công ty trên thị trường chứng khoán.



## KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Triển vọng môi trường kinh doanh 2024

Bức tranh kinh tế vĩ mô năm 2023 mang gam màu khá trầm: các ngành nông, lâm, ngư nghiệp, dịch vụ duy trì tăng trưởng ổn định, trong khi công nghiệp và xây dựng suy yếu, phản ánh những thách thức trong hoạt động sản xuất kinh doanh do lượng đơn hàng sụt giảm trong bối cảnh kinh tế quốc tế không thuận lợi. môi trường kinh tế vĩ mô và dấu hiệu trì trệ của thị trường bất động sản. Tuy nhiên, xu hướng tăng trưởng bền vững được quan sát trong mỗi quý báo hiệu một triển vọng tích cực, cho thấy triển vọng phục hồi kinh tế trong tương lai gần.

Vào năm 2024, nhiều tổ chức dự báo các dấu hiệu phục hồi kinh tế sẽ quay trở lại, chủ yếu nhờ sự phục hồi của hoạt động xuất khẩu, dẫn đến tăng trưởng sản xuất công nghiệp, tăng đầu tư công, chính sách tài khóa mở rộng, chính sách tiền tệ thích ứng và sự phục hồi của người tiêu dùng trong nước thông qua kích thích nhu cầu. Sự ổn định của môi trường kinh tế vĩ mô nhiều khả năng sẽ được duy trì và cải thiện hơn nữa trong năm 2024, lạm phát và tỷ giá hối đoái ít chịu áp lực.

Dự báo chỉ số vĩ mô Việt Nam 2024				
Chỉ tiêu	Đơn vị	2023	2024F	
Tăng trưởng GDP	% YoY	5,05%	6,0%	
CPI trung bình	% YoY	3,25%	3,50%	
Tăng trưởng tín dụng	% YTD	13,50%	13,5%-14,5%	
Lãi suất huy động 12 tháng	%/năm	5,13%	4,85%-5,35%	
Tỷ giá	VND	24269	24600	

*Nguồn: KBSV*

### Kế hoạch và chiến lược phát triển

Trong những năm vừa qua, công ty đã và đang hoạt động phát triển theo chiến lược và kế hoạch nhất quán được đề ra bởi Ban Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc công ty. Với sự kiên định và chiến lược hoạt động phù hợp đã giúp NVS vươn lên và vượt qua những biến động của thị trường và ghi nhận được những kết quả nhất định trong thời gian vừa qua. Song song với mỗi bước đi, luôn là một kế hoạch hành động đã đưa NVS bước tiếp thêm một hành trình mới. Xét trong điều kiện thị trường có tính biến động cao, NVS vẫn ghi nhận mức lợi nhuận tích cực dù gặp phải nhiều hạn chế về vốn, nhân lực và công nghệ.

Tuy nhiên trên thực tế, nhiều mảng hoạt động kinh doanh của NVS vẫn luôn gặp phải nhiều khó khăn trong quá trình triển khai thực tế, dẫn các hoạt động này bị ảnh hưởng mạnh khi thị trường thay đổi. Trong năm 2023, môi trường kinh doanh thay đổi, nền điều kiện kinh tế suy giảm, tình hình nhu cầu huy động vốn của các doanh nghiệp dẫn đến thị trường chứng khoán biến động, nhu cầu phát hành mới trong các tháng đầu năm đạt mức thấp.

Do đó, việc chuẩn bị chiến lược và kế hoạch thực hiện là cần thiết để tạo động lực duy trì và phát triển các hoạt động kinh doanh là cần thiết trong giai đoạn sắp tới. Do đó, công ty dự kiến đề ra các kế hoạch phát triển như sau:

**Đa dạng hóa sản phẩm nghiệp vụ, đẩy mạnh và phát triển nghiệp vụ môi giới:** Với quy mô thị trường ngày càng phát triển cùng với nhu cầu và hành vi của khách hàng được thay đổi liên tục và đòi hỏi hoạt động môi giới phải thay đổi và phát triển theo xu hướng hiện tại để đáp ứng với những thay đổi và nhu cầu khách hàng. Do đó, đi kèm với đó là nâng cao chất lượng dịch vụ, cải tiến quy trình nghiệp vụ, đầu tư thay đổi hạ tầng công nghệ để đem đến khách hàng những trải nghiệm giao dịch một cách tốt nhất. Thêm vào đó, công ty cần tiếp tục mở rộng quy mô nhân sự có trình độ với tinh thần cao để phát triển và mở rộng mạng lưới khách và tạo đà phát triển của nghiệp vụ môi giới.

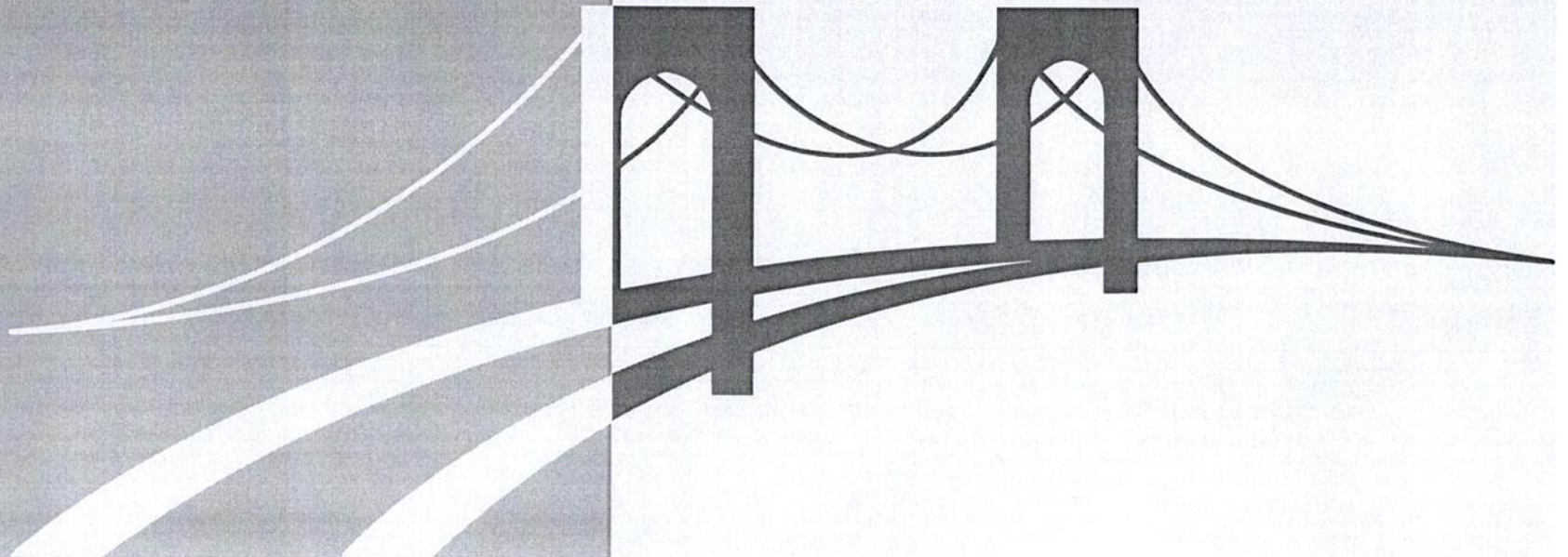
#### Tập trung đẩy mạnh hoạt động nghiệp vụ dịch vụ khách hàng tổ chức

**1/ Nghiệp vụ tư vấn bảo lãnh phát hành:** Năm bắt theo đà phục hồi của thị trường vốn trong thời gian, Công ty định hướng hoạt động tiếp cận và tư vấn phát hành các khách hàng là các doanh nghiệp hàng đầu, có uy tín và tiềm tài chính vững mạnh. Mở rộng mạng lưới khách hàng và cung cấp những giải pháp và dịch vụ toàn diện.

**2/ Nghiệp vụ tư vấn đầu tư:** Tập trung mở rộng mạng lưới khách hàng là nhà đầu tư tổ chức, cung cấp các sản phẩm dịch vụ toàn diện. Công ty định hướng, nghiên cứu và mở rộng các mảng tư vấn đầu tư Trái phiếu, đầu tư vốn cổ phần (thông qua các hoạt động đầu tư vốn tư nhân - PE và M&A). Các nghiệp vụ trên có lợi thế là không cần yêu cầu quá nhiều vốn. Tuy nhiên, việc tuyển dụng nhân sự và chính sách tuyển dụng nhân sự là điều kiện cần thiết để phát triển động ngũ nhân sự chất lượng cao và mở rộng mạng lưới kinh doanh trong lĩnh vực này.

**Tập trung đầu tư hạ tầng và chuẩn hóa quy trình mảng tự doanh:** Với kinh nghiệm và thế mạnh của công ty trong việc quản lý hoạt động đầu tư và cho vay của mình, mảng hoạt động này đã và đang đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động chung của công ty. Phát triển theo xu hướng thị trường việc các công ty chứng khoán đầu tư và phát triển hoạt động tự doanh đang ngày càng mở rộng thông qua nghiệp vụ cho vay margin. Các hoạt động cho vay của các công ty chứng khoán đã và đang ghi nhận những kết quả tích cực khi quy mô thị trường ngày càng phát triển, lượng nhà đầu tư đang gia nhập thị trường ngày càng tăng qua các năm. Do đó, các hoạt động trên cần bổ sung một lượng vốn lớn, cùng với hạ tầng công nghệ đồng bộ và đội ngũ nhân sự có chuyên môn cao để thực hiện các công tác quản trị rủi ro và cung cấp nền tảng quy trình và dịch vụ thuận tiện tới khách hàng và hỗ trợ thanh khoản cho các khách hàng.

CHƯƠNG 04.  
HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG





### Tiêu thụ nước

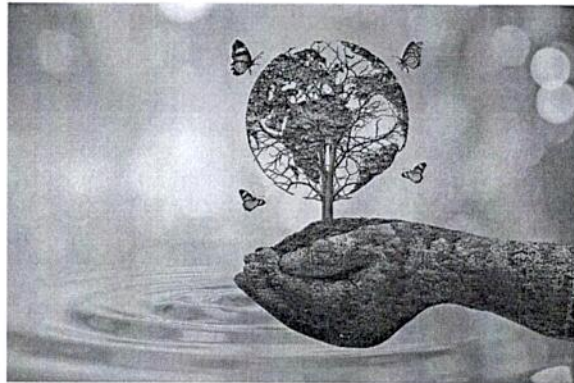
Mặc dù đặc thù doanh nghiệp không sử dụng nhiều điện và nước trong việc vận hành hệ thống nhưng NVS luôn ý thức được tầm quan trọng của 2 nguồn tài nguyên này đối với nhu cầu chung của xã hội. Chúng tôi luôn cố gắng kiểm soát và sử dụng tiết kiệm điện, nước, tạo dựng một văn hóa nội bộ hướng đến môi trường xanh, sạch, đẹp như một nỗ lực

không ngừng nghỉ. NVS thường xuyên tuyên truyền thực hiện chương trình tiết kiệm điện, nước trong toàn Công ty và phổ biến đến từng cán bộ công nhân viên ý thức được việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm các nguồn năng lượng này:

- Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng.
- Không mở cửa sổ, cửa ra vào khi đang bật điều hòa.
- Năm 2023, NVS đã đẩy mạnh việc tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức tiết kiệm đến cán bộ công nhân viên trong Công ty.

### Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Việc tuân thủ các luật định về Môi trường, Kinh tế, Xã hội thể hiện trách nhiệm cơ bản của doanh nghiệp đối với các tác động của mình. NVS luôn đảm bảo mức độ tuân thủ của mình ở mức cao nhất. Phòng Hành chính Nhân sự và các bộ phận nghiệp vụ liên quan khác có trách nhiệm cập nhật các yêu cầu pháp luật liên quan để đảm bảo sự tuân thủ và điều chỉnh tương ứng các hoạt động của Công ty. Điều này thể hiện ở việc, trong năm 2023 vừa qua, Công ty chưa có lần xử phạt vi phạm nào do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.



### Chính sách liên quan người lao động

Ngoài việc cung cấp các phúc lợi như lương, thưởng cho nhân viên, NVS còn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các chương trình đào tạo, hội thảo chuyên ngành nhiều cấp độ nhằm giúp đỡ các nhân viên cải thiện con đường sự nghiệp của họ trong tương lai và chuẩn bị hành trang tốt nhất để đối mặt với những thách thức toàn cầu của thị trường lao động. Chúng tôi quản trị vấn đề giáo dục và đào tạo của mình thông qua một hệ thống các chương trình đào tạo nhân viên mới và đào tạo nghiệp vụ nội bộ.

- Số lượng lao động: Tính đến ngày 31/12/2023, số lượng cán bộ nhân viên toàn Công ty là 29 người.
- Thu nhập bình quân của người lao động tại NVS khoảng 20.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng)

### Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

NVS cam kết hoạt động vì sự phát triển của cộng đồng, nơi chúng tôi sống và làm việc.

Ý thức được tác động mà Công ty có thể mang lại cho cộng đồng địa phương, NVS luôn định hướng Công ty và các bộ nhân viên:

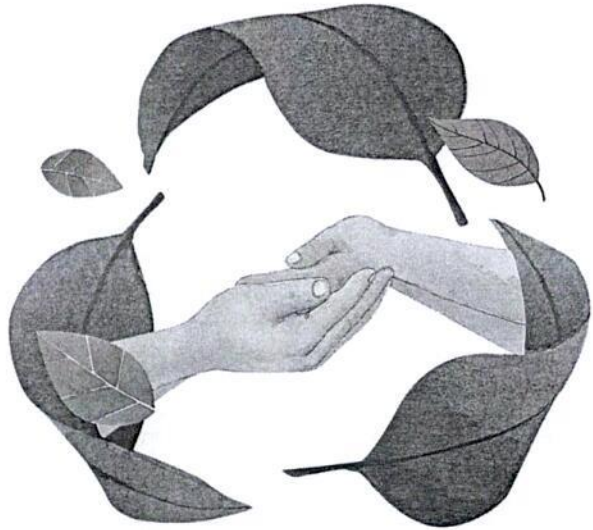
- Tích cực tham gia hoạt động từ thiện, ủng hộ các phong trào địa phương, tham gia công tác xã hội;
- Xây dựng mối quan hệ lâu dài với các nhà cung cấp và hỗ trợ cho hoạt động của các doanh nghiệp địa phương, phù hợp với giá trị kinh doanh của Công ty.







**ĐÁNH GIÁ BAN GIÁM ĐỐC VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI**



**Đối với cán bộ nhân viên**

Tại NVS, chúng tôi quan tâm sâu sắc đến sự phát triển của từng nhân viên, do đó, đào tạo và phát triển nguồn lực là trọng tâm chính của NVS trong giai đoạn hiện nay. Chúng tôi đã và đang thiết lập một văn hóa học tập linh hoạt, khuyến khích nhân viên học hỏi và kiến thức và kỹ năng mới nhằm thích ứng với những sự thay đổi của thị trường và của nền kinh tế.

**Đối với môi trường**

NVS hướng đến một môi trường xanh - sạch - đẹp nơi công sở, hạn chế tối đa việc sử dụng đồ nhựa dùng một lần, CBVN đã có nhiều việc làm, hành động đẹp góp phần lan tỏa những thông điệp ý nghĩa về bảo vệ môi trường, hưởng ứng phong trào "Chống rác thải nhựa" tại Công ty.

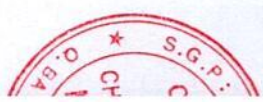
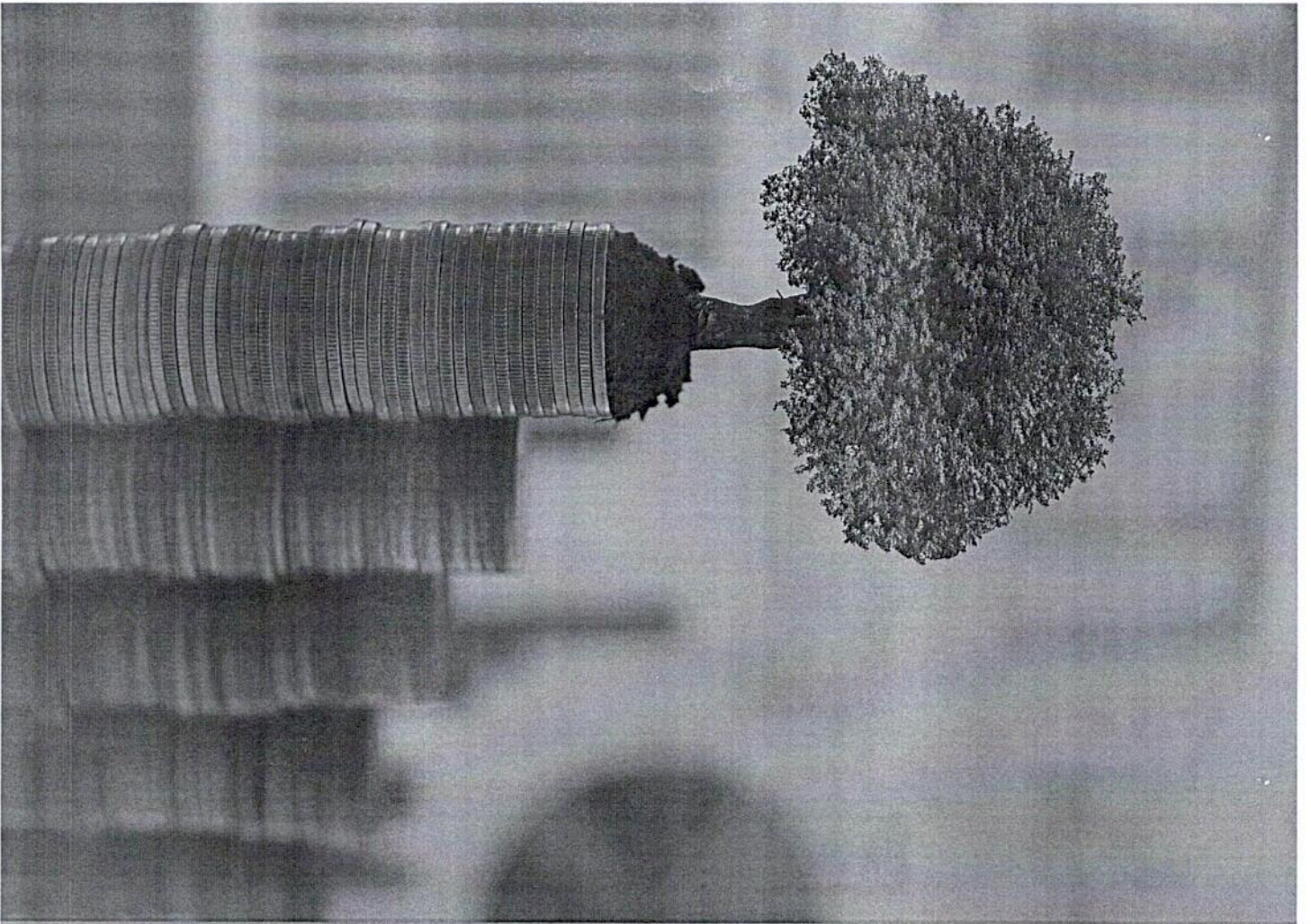
**Đối với cộng đồng**

Ý thức chia sẻ với cộng đồng đã và đang được chúng tôi xây dựng và phát huy suốt từ những ngày đầu thành lập Công ty. Các hoạt động thiện nguyện, chia sẻ, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn, kém may mắn trong chính Công ty và xã hội cũng đã trở thành truyền thống tốt đẹp tại NVS.



Đặc biệt, năm 2023 vừa qua, NVS là một trong số 20 nhà tài trợ của giải chạy SSC Run – Hướng tới tương lai. Đây là giải chạy do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức với mong muốn mang đến cho cộng đồng yêu chạy bộ nói chung và các cá nhân, tập thể Tài chính - Chứng khoán nói riêng một giải chạy chuyên nghiệp từ đó thúc đẩy phong trào thể thao, nâng cao tinh thần và sức khỏe vì những mục tiêu tốt đẹp cho tương lai. NVS tin rằng việc tham gia, ủng hộ giải chạy SSC Run không chỉ khuyến khích tinh thần thể thao của các cán bộ nhân viên của NVS mà còn thể hiện sự quan tâm của Ban Quản trị Công ty đến sức khỏe người lao động.

CHƯƠNG 05.  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023  
(đã được kiểm toán)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

### NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-41
Báo cáo tình hình tài chính	06-09
Báo cáo kết quả hoạt động	10-11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12-14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	15
Thuyết minh Báo cáo tài chính	16-41

02  
CÔNG  
CỔ P  
JING  
:AVI  
DINH

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán E - Việt thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102751333 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 16 tháng 05 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 09 tháng 06 năm 2023; Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 93/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/05/2008, số 233/UBCK-GP ngày 27/04/2009, Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 19/05/2011, Giấy phép điều chỉnh số 48/GPĐC-UBCK ngày 16/08/2011, Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 04/08/2014 và Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 21/UBCK-GPLK ngày 16/05/2008, Quyết định số 830/QĐ-UBCK ngày 30/10/2014, Quyết định số 212/QĐ-UBCK ngày 09/03/2015, Giấy phép điều chỉnh số 23/GPĐC-UBCK ngày 14/05/2015, Giấy phép điều chỉnh số 92/GPĐC-UBCK ngày 13/10/2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Lê Chí Phúc	Ủy viên
Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh	Ủy viên
Ông Nguyễn Sơn	Ủy viên Từ trần ngày 26/08/2023
Bà Lê Kim Chi	Ủy viên Miễn nhiệm ngày 27/04/2023

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

Các thành viên của Ủy ban kiểm toán bao gồm:

Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Sơn	Thành viên Từ trần ngày 26/08/2023

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Phan Anh Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2024



Số: 290324.070/BCTC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank được lập ngày 09 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Tuấn Anh  
Giám đốc kiểm toán  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 1369-2023-002-1

Nguyễn Trung Kiên  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 5136-2020-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		376.861.316.819	420.230.169.653
110	I. Tài sản tài chính		376.646.504.071	419.955.785.694
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	93.006.283.802	145.213.762.021
111.1	1.1 Tiền		66.506.283.802	66.213.762.021
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		26.500.000.000	79.000.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	120.190.231.115	205.195.149.201
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5	89.000.000.000	10.000.000.000
114	4. Các khoản cho vay	5	4.173.749.960	19.125.673.000
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	22.629.704.000	22.629.704.000
117	6. Các khoản phải thu	6	45.450.839.023	17.131.219.163
117.1	6.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		43.179.429.511	13.914.505.050
117.2	6.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		2.271.409.512	3.216.714.113
117.4	6.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		2.271.409.512	3.216.714.113
118	7. Trả trước cho người bán		1.126.413.780	103.063.950
119	8. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	6	870.719.945	393.842.482
122	9. Các khoản phải thu khác	6	198.562.446	163.371.877
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		214.812.748	274.383.959
133	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	214.812.748	274.383.959
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		9.870.997.264	10.349.736.213
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		2.233.488.027	2.241.352.628
212	1. Các khoản đầu tư	9	3.300.000.000	3.300.000.000
212.4	1.1 Đầu tư dài hạn khác		3.300.000.000	3.300.000.000
213	1.2 Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	10	(1.066.511.973)	(1.058.647.372)
220	II. Tài sản cố định		2.767.357.423	3.688.205.723
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	2.630.995.414	3.418.774.262
222	- Nguyên giá		10.688.890.175	10.345.343.675
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.057.894.761)	(6.926.569.413)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	136.362.009	269.431.461
228	- Nguyên giá		4.980.849.180	4.980.849.180
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.844.487.171)	(4.711.417.719)
240	IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		95.340.000	-
250	V. Tài sản dài hạn khác		4.774.811.814	4.420.177.862
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	8	411.229.036	360.636.400
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	7	348.910.850	288.005.054
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	4.014.671.928	3.771.536.408
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>386.732.314.083</b>	<b>430.579.905.866</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		65.175.630.406	146.956.906.541
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		65.175.630.406	146.956.906.541
318	1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	14	95.218.858	39.902.669
320	2. Phải trả người bán ngắn hạn	15	20.000.000.000	37.385.551.364
321	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	220.600.000
322	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	3.662.041.913	5.933.091.075
323	5. Phải trả người lao động		734.850.000	589.708.333
325	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	8.883.416	305.034.771
327	7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		240.000.000	90.000.000
329	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	40.434.636.219	102.393.018.329
340	II. Nợ phải trả dài hạn		-	-
356	0. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33.2	-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		321.556.683.677	283.622.999.325
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	321.556.683.677	283.622.999.325
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		252.000.000.000	252.000.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		252.000.000.000	252.000.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		252.000.000.000	252.000.000.000
417	2. Lợi nhuận chưa phân phối		69.556.683.677	31.622.999.325
417.1	2.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		82.669.664.363	44.127.859.811
417.2	2.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(13.112.980.686)	(12.504.860.486)
440	<b>TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>386.732.314.083</b>	<b>430.579.905.866</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý		902.409.401	902.409.401
006	2. Cổ phiếu đang lưu hành		25.200.000	25.200.000
008	3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	20	28.964.390.000	28.964.390.000
012	4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	21	95.615.030.000	179.712.530.000
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	22	2.724.840.770.000	1.314.965.070.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		2.164.107.020.000	749.577.320.000
021.3	b. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		559.200.000.000	559.200.000.000
021.4	c. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		88.750.000	88.750.000
021.5	d. Tài sản tài chính chờ thanh toán		1.445.000.000	6.099.000.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	23	1.431.800.000	1.351.270.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tpe do chuyển nhượng		1.431.800.000	1.351.270.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
026	3. Tiền gửi của khách hàng	24	11.955.154.769	20.459.314.077
027	3.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		11.955.154.769	20.459.314.077
031	4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25	11.954.925.626	20.456.640.009
031.1	4.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		11.954.925.622	20.456.640.005
031.2	4.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	4		4





Nguyễn Thùy Dung  
 Người lập

Nguyễn Thị Thanh Thủy  
 Kế toán trưởng

Phan Anh Tuấn  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
<b>I</b>	<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>			
01	1.1 Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		80.551.398.904	123.899.147.607
01.1	a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	27.a)	44.916.823.917	67.579.333.625
01.2	b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	27.b)	27.496.144.500	39.254.385.500
01.3	c. Có tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	27.c)	8.138.430.487	17.065.428.482
02	1.2 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	27.c)	6.924.250.959	1.145.463.019
03	1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	27.c)	763.006.061	1.667.521.049
04	1.4 Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	27.c)	-	1.659.903.972
06	1.5 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		1.579.290.145	4.907.383.657
07	1.6 Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		750.000.000	1.113.809.379
09	1.7 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		1.329.360.741	899.058.174
11	1.8 Thu nhập hoạt động khác		3.818.181	11.181.813
20	<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>		<b>91.901.124.991</b>	<b>135.303.468.770</b>
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>			
21	2.1 Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		28.188.672.873	102.434.214.903
21.1	a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	27.a)	84.408.173	30.162.029.403
21.2	b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	27.b)	28.104.264.700	72.272.185.500
26	2.2 Chi phí hoạt động tự doanh		4.568.534.068	14.870.915.317
27	2.3 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		3.341.910.789	4.615.058.307
28	2.4 Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		1.248.755.387	979.364.167
29	2.5 Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		682.808.224	582.458.860
30	2.6 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		1.175.940.911	933.930.163
32	2.7 Chi phí các dịch vụ khác		23.532.674	52.383.187
40	<b>Cộng chi phí hoạt động</b>		<b>39.230.154.926</b>	<b>124.468.324.904</b>
<b>III</b>	<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	28		
42	3.1 Doanh thu, dự thu có tức, lãi tiền gửi ngân hàng không có định		170.473.099	429.348.529
50	<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>		<b>170.473.099</b>	<b>429.348.529</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	29		
52	4.1 Chi phí lãi vay		875.616	5.296.574
54	4.2 Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn		7.864.601	16.660.251
60	<b>Cộng chi phí tài chính</b>		<b>8.740.217</b>	<b>21.956.825</b>
<b>VI</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	30	11.295.644.904	9.708.657.710
70	<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>		<b>41.537.058.043</b>	<b>1.533.877.860</b>
<b>VIII</b>	<b>THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>			
71	8.1 Thu nhập khác	31	5.872.007.827	950
72	8.2 Chi phí khác	32	225.100.511	12.327.211
80	<b>Cộng kết quả hoạt động khác</b>		<b>5.646.907.316</b>	<b>(12.326.261)</b>
<b>IX</b>	<b>TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>47.183.965.359</b>	<b>1.521.551.599</b>
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		47.792.085.559	34.539.351.599
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(608.120.200)	(33.017.800.000)
100	<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	33	<b>9.250.281.007</b>	<b>318.900.842</b>
100.1	10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33.1	9.250.281.007	4.421.535.811
100.2	10.2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33.2	-	(4.102.634.969)
200	<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>37.933.684.352</b>	<b>1.202.650.757</b>
500	<b>XIII. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	35	1.505	48





Nguyễn Thùy Dung  
 Người lập

Nguyễn Thị Thanh Thủy  
 Kế toán trưởng


 Phan Anh Tuấn  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		47.183.965.359	1.521.551.599
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		1.102.661.918	565.090.097
03	- Khấu hao tài sản cố định		1.264.394.800	972.481.801
04	- Các khoản dự phòng		7.864.601	16.660.251
06	- Chi phí lãi vay		875.616	5.296.574
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(170.473.099)	(429.348.529)
10	3. Tăng các chi phí tiền tệ		28.104.264.700	72.272.185.500
11	- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		28.104.264.700	72.272.185.500
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(27.496.144.500)	(39.254.385.500)
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(27.496.144.500)	(39.254.385.500)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(100.833.812.295)	(53.426.022.461)
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		84.396.797.886	(59.764.901.605)
32	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		(79.000.000.000)	2.000.000.000
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		14.951.923.040	(2.681.904.179)
34	- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS		-	41.352.844.488
35	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(29.264.924.461)	(13.914.505.050)
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		945.304.601	(1.367.347.272)
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(697.477.463)	136.977.199
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		(35.190.569)	44.080.138
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(293.728.156)	(279.617.286)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(296.397.930)	239.599.594
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		(1.334.585)	270.074.348
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.821.464.809)	(1.331.709.493)
44	- Lãi vay đã trả		(629.041)	(7.222.602)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		(18.408.901.194)	(44.666.616.502)
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		(1.699.865.360)	(1.300.525.167)
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		145.141.667	140.624.999
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		(61.753.065.921)	27.704.125.929
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(51.939.064.818)	(18.321.580.765)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(438.886.500)	(1.243.523.500)
65	2. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		170.473.099	429.348.529
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(268.413.401)	(814.174.971)
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
73	2. Tiền vay gốc		5.900.000.000	7.700.000.000
73.2	2.1 Tiền vay khác		5.900.000.000	7.700.000.000
74	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		(5.900.000.000)	(12.700.000.000)
74.3	3.1 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(5.900.000.000)	(12.700.000.000)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(5.000.000.000)
90	<b>IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm</b>		(52.207.478.219)	(24.135.755.736)
101	<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>		145.213.762.021	169.349.517.757
101.1	- Tiền		66.213.762.021	160.349.517.757
101.2	- Các khoản tương đương tiền		79.000.000.000	9.000.000.000
103	<b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	4	93.006.283.802	145.213.762.021
103.1	- Tiền		66.506.283.802	66.213.762.021
103.2	- Các khoản tương đương tiền		26.500.000.000	79.000.000.000

**PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**  
Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023		Năm 2022	
			VND	VND	VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>						
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		435.152.284.560	1.397.934.657.860		
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(342.451.586.610)	(1.033.420.543.000)		
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(100.776.344.439)	(373.720.500.637)		
11	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(428.512.819)	(512.936.021)		
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		1.093.020.992	2.573.096.267		
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(1.093.020.992)	(2.573.096.267)		
20	<b>Tăng/giảm tiền thuần trong năm</b>		<b>(8.504.159.308)</b>	<b>(9.719.321.798)</b>		
<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>						
30			20.459.314.077	30.178.635.875		
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		20.459.314.077	30.178.635.875		
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		20.459.314.077	30.178.635.875		
<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng</b>						
40		24	11.955.154.769	20.459.314.077		
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		11.955.154.769	20.459.314.077		
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		11.955.154.769	20.459.314.077		

Nguyễn Thùy Dung  
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Thủy  
Kế toán trưởng



Phải Xuân Tuấn  
Tổng Giám đốc

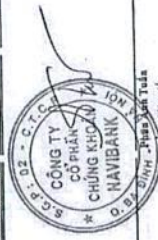
Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2024

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
Năm 2023

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm	
	01/01/2023		Năm 2023		31/12/2023	
	VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	252.000.000.000	252.000.000.000			252.000.000.000	252.000.000.000
1.1. Cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết	252.000.000.000	252.000.000.000			252.000.000.000	252.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	30.420.348.568	1.202.650.757	1.202.650.757		31.622.999.325	69.556.483.677
2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	14.010.044.023	30.117.815.788	30.117.815.788		44.127.859.811	81.669.664.363
2.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	16.410.304.545	(7.504.860.486)	(608.100.200)		(12.504.860.486)	(13.111.980.680)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>282.420.348.568</b>	<b>253.202.650.757</b>	<b>31.933.684.352</b>		<b>285.136.335.109</b>	<b>321.556.483.677</b>

Nguyễn Thùy Dung  
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Thủy  
Kế toán trưởng



Phải Xuân Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2024

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

### 1 THÔNG TIN CHUNG

#### 1.1 Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán E - Việt thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102751333 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 16 tháng 05 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 09 tháng 06 năm 2023; Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 93/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/05/2008, số 233/UBCK-GP ngày 27/04/2009, Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày nước cấp ngày 16/05/2011, Giấy phép điều chỉnh số 48/GPĐC-UBCK ngày 16/08/2011, Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 04/08/2014 và Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 21/UBCK-GPLK ngày 16/05/2008, Quyết định số 830/QĐ-UBCK ngày 30/10/2014, Quyết định số 212/QĐ-UBCK ngày 09/03/2015, Giấy phép điều chỉnh số 23/GPĐC-UBCK ngày 14/05/2015, Giấy phép điều chỉnh số 92/GPĐC-UBCK ngày 13/10/2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 252.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 252.000.000.000 đồng; trong đó 25.200.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 30 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 30 người).

#### 1.2 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

#### 1.3 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2023, thị trường chứng khoán Việt Nam diễn biến tương đối khởi sắc so với năm ngoài. Trong năm nay, Công ty ghi nhận chênh lệch lãi/lỗ về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL tăng 32,41 tỷ đồng; chênh lệch lãi/lỗ về bán các tài sản tài chính FVTPL tăng 7,41 tỷ đồng. Bên cạnh đó, chi phí môi giới của Công ty năm nay giảm mạnh so với năm ngoài do khối lượng trái phiếu giao dịch qua môi giới giảm dần đến chi phí hoạt động tự doanh giảm 69,28% so với cùng kỳ năm trước. Do đó lợi nhuận kế toán trước thuế năm nay tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước.

### 2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210. Các Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán.

##### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

##### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

#### 2.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuận (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

#### 2.4 Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

##### a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

**b) Nguyên tắc phân loại**

**Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):** tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán của phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

**Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):** là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

**Các khoản cho vay:** là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch kỳ quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công cụ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

**Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):** là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

**Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ:** là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ; là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

**c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính**

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá trị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá chứng khoán làm cơ sở để đánh giá lại là mức giá thu thập được từ các nguồn thông tin tham chiếu mà Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng mức giá này thể hiện giá trị trường của các chứng khoán này.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lãi các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý".

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản nợ hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí di vạy của các khoản cho vay".

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí di vạy của các khoản cho vay".

**2.5 . Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên số kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm đối với các khoản đầu tư vào công ty khác: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty đó tại thời điểm gần nhất với thời điểm lập Báo cáo tài chính. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ.

**2.6 . Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược**

**Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược:** phản ánh số tiền hoặc giá trị tài sản mà các doanh nghiệp/công ty đem đi cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược tại các doanh nghiệp, hoặc các tổ chức khác trong các quan hệ kinh tế theo đúng quy định của pháp luật.

Các khoản tiền, tài sản đem cầm cố, thế chấp ký quỹ, ký cược phải được theo dõi chặt chẽ và kịp thời thu hồi khi hết thời hạn cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược. Trường hợp các khoản ký quỹ, ký cược Công ty được quyền nhận lại nhưng quá hạn thu hồi thì doanh nghiệp được trích lập dự phòng như đối với các khoản nợ phải thu khó đòi.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

Công ty theo dõi chi tiết các khoản cầm cố, thế chấp ký cược, ký quỹ theo từng loại, từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Khi lập Báo cáo tài chính, những khoản có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng được phân loại là tài sản ngắn hạn; Những khoản có kỳ hạn còn lại từ 12 tháng trở lên được phân loại là tài sản dài hạn.

**2.7 . Các khoản phải thu ngắn hạn**

**Phải thu bán các tài sản tài chính:** phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

**Phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính:** phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

**Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp:** phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh dịch vụ chứng khoán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

**Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu:** được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khả năng vỡ nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 và Thông tư 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 04 năm 2022 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

**2.8 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**Giá trị sau ghi nhận ban đầu**

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) trong năm mà chi phí phát sinh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

- Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:
- Phương tiện vận tải 10 năm
  - Thiết bị văn phòng 04 - 06 năm
  - Phần mềm giao dịch, băng sáng chế 02 năm
  - Tài sản cố định vô hình khác 05 năm

**2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

**2.10 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 02 tháng đến 50 tháng.

**2.12 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tố phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**Các khoản vay:** phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

**Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán:** phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

**Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán:** phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

**2.13 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.14 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí phải trả các Sở giao dịch chứng khoán, chi phí đường truyền, chi phí điện nước... được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.15 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về phí dịch vụ.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

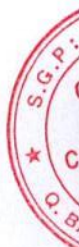
**2.16 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong năm. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu năm nay và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.



BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

**2.17. Doanh thu, thu nhập***Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

**2.18. Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty**

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

**2.19. Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính***Doanh thu tài chính là:*

- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;

*Chi phí hoạt động tài chính bao gồm:*

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

**2.20. Các khoản thuế****a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Báo cáo tình hình tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

**b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

**c) Thuế suất thuế TNDN năm tài chính hiện hành**

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với toàn bộ hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023.

**2.21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**2.22. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định và các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.23. Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**3. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM**

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm
		VND
<b>Của Công ty Chứng khoán</b>	<b>9.979.619</b>	<b>5.075.797.985.646</b>
- Trái phiếu	9.979.619	5.075.797.985.646
<b>Của nhà đầu tư</b>	<b>44.021.307</b>	<b>841.688.941.290</b>
- Cổ phiếu	44.021.307	841.688.941.290
	<b>54.000.926</b>	<b>5.917.486.926.936</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

**4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	62.697.000	4.394.000
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	66.443.586.802	66.209.368.021
Các khoản tương đương tiền	26.500.000.000	79.000.000.000
	<b>93.006.283.802</b>	<b>145.213.762.021</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,30%/năm đến 4,75%/năm.

**5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	64.931.782.886	51.818.802.200	64.931.782.886	52.426.922.400
Trái phiếu chưa niêm yết (*)	67.161.416.009	67.161.416.009	152.768.226.801	152.768.226.801
Trái phiếu niêm yết (**)	1.210.012.906	1.210.012.906	-	-
	<b>133.303.211.801</b>	<b>120.190.231.115</b>	<b>217.700.009.687</b>	<b>205.195.149.201</b>

(\*) Trái phiếu chưa niêm yết tại ngày 31/12/2023 bao gồm:

- Trái phiếu Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP BECAMEX 2020 có giá gốc là 41.858.324.579 đồng có thời hạn là 04 năm kể từ ngày phát hành 15/08/2020 với lãi suất của trái phiếu tại thời điểm 31/12/2023 là 11,5%/năm;
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Tonkin Land có giá gốc là 22.238.741.721 đồng, thời hạn 03 năm kể từ ngày phát hành 06/05/2022 với lãi suất của trái phiếu tại thời điểm 31/12/2023 là 11,2%/năm;
- Trái phiếu TPNVLH2224006 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu Tư Địa ốc No Va có giá gốc là 3.064.349.709 đồng có thời hạn là 24 tháng kể từ ngày phát hành 15/03/2022 với lãi suất cố định là 10,50%/năm; Thời gian đáo hạn được gia hạn thêm 2 năm, đến ngày 15/3/2026. Tiền gốc trái phiếu sẽ được thanh toán vào ngày đáo hạn sau khi điều chỉnh. Sau điều chỉnh thời gian đáo hạn, lãi suất cố định của lô trái phiếu là 11,5%/năm, toàn bộ tiền lãi trong thời gian điều chỉnh ngày đáo hạn sẽ được thanh toán vào ngày đáo hạn.

(\*\*) Trái phiếu niêm yết tại ngày 31/12/2023 bao gồm:

- Trái phiếu Trái phiếu Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP BECAMEX 2021 có giá gốc là 1.210.012.906 đồng có thời hạn là 05 năm kể từ ngày phát hành 15/09/2021 với lãi suất của trái phiếu tại thời điểm 31/12/2023 là 10,5%/năm;

Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết được xác định căn cứ giá thị trường tại ngày 31/12/2022 và 31/12/2023

Giá trị hợp lý của trái phiếu niêm yết được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư do mà trái phiếu này chưa có giao dịch trên thị trường.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của trái phiếu chưa niêm yết do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

**b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	22.629.704.000	22.629.704.000	22.629.704.000	22.629.704.000
	<b>22.629.704.000</b>	<b>22.629.704.000</b>	<b>22.629.704.000</b>	<b>22.629.704.000</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

**c) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở lên (*)	89.000.000.000	10.000.000.000
	<b>89.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>

(\*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở lên của Công ty được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 2,9% - 7,0%/năm.

**d) Các khoản cho vay**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Hoạt động margin	2.440.169.960	13.116.964.000
Hoạt động ứng trước tiền bán	1.733.580.000	6.008.709.000
	<b>4.173.749.960</b>	<b>19.125.673.000</b>



	Giá mua		Giá trị tương đương		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023
VND			VND		VND		VND		VND	
FYFPL	133.303.211.801	217.700.009.687	130.190.231.115	205.195.149.201	992.174.666	-	(14.051.155.357)	(12.504.860.486)	120.190.231.115	205.195.149.201
Cổ phiếu niêm yết (*)	64.931.782.886	64.931.782.886	51.818.802.200	52.426.972.400	992.174.666	-	(14.105.155.357)	(12.504.860.486)	51.818.802.200	52.426.972.400
Trái phiếu niêm yết (**)	1.210.012.906	-	1.210.012.906	-	-	-	-	-	1.210.012.906	-
Trái phiếu chưa niêm yết (***)	67.161.416.009	152.768.226.801	67.161.416.009	152.768.226.801	-	-	-	-	67.161.416.009	152.768.226.801
AFS	21.629.704.000	21.629.704.000	21.629.704.000	21.629.704.000	-	-	-	-	21.629.704.000	21.629.704.000
Cổ phiếu chưa niêm yết (***)	22.629.704.000	22.629.704.000	22.629.704.000	22.629.704.000	-	-	-	-	22.629.704.000	22.629.704.000
	155.932.913.801	240.379.713.687	147.819.935.115	217.824.853.201	992.174.666	-	(14.051.155.357)	(12.504.860.486)	142.819.935.115	217.824.853.201

(\*) Giá trị tương đương của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày ghi nhận có giá tính đến ngày 31/12/2023.  
(\*\*) Giá trị hợp lý của trái phiếu niêm yết được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư do mất trợ phái mua chưa có giá điện trên thị trường.  
(\*\*\*) Tài sản chưa đánh giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chứng khoán Việt Nam, Chủ đề tài sản Việt Nam, Chủ đề tài sản Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

BẢNG TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK  
Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN  
a) Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	43.179.429.511	13.914.505.050
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	2.260.131.932	3.097.664.752
Phải thu lãi hoạt động Margin	11.277.580	119.049.361
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	870.719.945	393.842.482
- Phải thu phí lưu ký của nhà đầu tư	870.719.945	393.842.482
Phải thu khác	198.562.446	163.371.877
- Phải thu lãi tiền gửi Quỹ hỗ trợ thanh toán	197.692.795	161.683.616
- Phải thu khác	869.651	1.688.261
	<u>46.520.121.414</u>	<u>17.688.433.522</u>

7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC  
a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	929.855	25.223.400
Chi phí thuê văn phòng	200.614.518	194.356.245
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	13.268.375	54.804.314
	<u>214.812.748</u>	<u>274.383.959</u>

b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	84.861.996	116.880.041
Phí bản quyền phần mềm máy tính	62.391.499	2.694.452
Chi phí bảo dưỡng sửa chữa xe ô tô	43.891.170	-
Cước internet trọn gói	54.306.140	66.608.958
Chi phí trả trước dài hạn khác	103.460.045	101.821.603
	<u>348.910.850</u>	<u>288.005.054</u>

8 . CAM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	401.229.036	350.636.400
Đặt cọc thuê taxi	10.000.000	10.000.000
	<u>411.229.036</u>	<u>360.636.400</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

**9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		
- Công ty Cổ phần Linh Ngọc Xã Lợi SARIRA Việt Nam	3.300.000.000	3.300.000.000
	<u>3.300.000.000</u>	<u>3.300.000.000</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank sở hữu 330.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần, tương đương 10% tỷ lệ lợi ích và 10% tỷ lệ quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Linh Ngọc Xã Lợi SARIRA Việt Nam - Công ty đang hoạt động trong lĩnh vực chuyển hóa và kinh doanh các dịch vụ liên quan đến nông sản.

**10 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư dài hạn</b>		
- Công ty Cổ phần Linh Ngọc Xã Lợi SARIRA Việt Nam	1.066.511.973	1.058.647.372
	<u>1.066.511.973</u>	<u>1.058.647.372</u>

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Linh Ngọc Xã Lợi SARIRA Việt Nam được trích lập căn cứ vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty này.

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2023	1.611.007.273	8.734.336.402	10.345.343.675
Mua trong năm	-	343.546.500	343.546.500
Tại ngày 31/12/2023	<u>1.611.007.273</u>	<u>9.077.882.902</u>	<u>10.688.890.175</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2023	1.194.830.429	5.731.738.984	6.926.569.413
Khấu hao trong năm	241.651.098	889.674.250	1.131.325.348
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-
Tại ngày 31/12/2023	<u>1.436.481.527</u>	<u>6.621.413.234</u>	<u>8.057.894.761</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2023	416.176.844	3.002.597.418	3.418.774.262
Tại ngày 31/12/2023	<u>174.525.746</u>	<u>2.456.469.668</u>	<u>2.630.995.414</u>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.443.777.720 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm giao dịch, kế toán	TSCĐ Vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2023	4.771.296.680	209.552.500	4.980.849.180
Tại ngày 31/12/2023	<u>4.771.296.680</u>	<u>209.552.500</u>	<u>4.980.849.180</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2023	4.501.865.219	209.552.500	4.711.417.719
Khấu hao trong năm	133.069.452	-	133.069.452
Tại ngày 31/12/2023	<u>4.634.934.671</u>	<u>209.552.500</u>	<u>4.844.487.171</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2023	269.431.461	-	269.431.461
Tại ngày 31/12/2023	<u>136.362.009</u>	<u>-</u>	<u>136.362.009</u>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.760.849.180 đồng. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**13 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Tiền nộp ban đầu</b>	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	2.155.994.895	2.074.542.991
Tiền lãi phân bổ trong năm	1.738.677.033	1.576.993.417
<b>Số dư cuối năm</b>	<u>4.014.671.928</u>	<u>3.771.536.408</u>

**14 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán</b>	17.938.319	17.938.319
Phải trả Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam	77.280.539	39.902.669
	<u>95.218.858</u>	<u>39.902.669</u>

**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>		
Công ty CP Chứng khoán SmartInvest	20.000.000.000	36.721.044.000
Phải trả các đối tượng khác	-	664.507.364
	<u>20.000.000.000</u>	<u>37.385.551.364</u>
<b>b) Phải trả người bán chi tiết theo nội dung</b>		
	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải trả mua các tài sản tài chính	20.000.000.000	37.326.581.044
Phải trả cho người bán khác	-	58.970.320
	<u>20.000.000.000</u>	<u>37.385.551.364</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.460.002
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.406.075.827	3.977.259.629
Thuế Thu nhập cá nhân	255.966.086	1.954.371.444
	<u>3.662.041.913</u>	<u>5.933.091.075</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

a) Ngân hạn	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	246.575	-
Trích trước chi phí giao dịch	-	54.269.278
Chi phí hoạt động công ty chứng khoán	8.636.841	250.765.493
	<u>8.883.416</u>	<u>305.034.771</u>

**18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

a) Ngân hạn	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải trả lãi trái phiếu tổ chức phát hành chuyển cho nhà đầu tư	38.890.585.934	102.383.450.047
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.544.050.285	9.568.282
	<u>40.434.636.219</u>	<u>102.393.018.329</u>

**19 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	31/12/2023	Tỷ lệ	01/01/2023
		VND		VND
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	7,02%	17.700.000.000	7,02%	17.700.000.000
Nguyễn Sơn	0,00%	-	33,47%	84.350.000.000
Quách Thị Nga	16,99%	42.800.000.000	16,99%	42.800.000.000
Phạm Thị Yên	16,73%	42.150.000.000	16,73%	42.150.000.000
Lê Thị Anh	25,79%	65.000.000.000	25,79%	65.000.000.000
Nguyễn Hoàng Kỳ Lân	30,69%	77.350.000.000	0,00%	-
Huỳnh Nguyễn Tấn Bách	2,78%	7.000.000.000	0,00%	-
	<u>100%</u>	<u>252.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>252.000.000.000</u>

**b) Lợi nhuận chưa phân phối**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	82.669.664.363	44.127.859.811
Lợi nhuận chưa thực hiện	(13.112.980.686)	(12.504.860.486)
	<u>69.556.683.677</u>	<u>31.622.999.325</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

**c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	44.127.859.811	14.010.044.023
Lãi/lỗ chưa thực hiện tính đến cuối năm tài chính	(608.120.200)	(28.915.165.031)
Lãi đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	38.541.804.552	30.117.815.788
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn	82.669.664.363	44.127.859.811
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính	<u>82.669.664.363</u>	<u>44.127.859.811</u>

**20 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	28.964.390.000	28.964.390.000
	<u>28.964.390.000</u>	<u>28.964.390.000</u>

**21 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	95.615.030.000	179.712.530.000
	<u>95.615.030.000</u>	<u>179.712.530.000</u>

**22 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	2.164.107.020.000	749.577.320.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	559.200.000.000	559.200.000.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	88.750.000	88.750.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	1.445.000.000	6.099.000.000
	<u>2.724.840.770.000</u>	<u>1.314.965.070.000</u>

**23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.431.800.000	1.351.270.000
	<u>1.431.800.000</u>	<u>1.351.270.000</u>

**24 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
1. Nhà đầu tư trong nước	11.955.154.765	20.459.314.073
2. Nhà đầu tư nước ngoài	4	4
	<u>11.955.154.769</u>	<u>20.459.314.077</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

**25 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</b>		
1.1. Nhà đầu tư trong nước	11.954.925.622	20.456.640.005
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	4	4
	<b>11.954.925.626</b>	<b>20.456.640.009</b>

**26 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>1. Phải trả nghiệp vụ margin</b>	<b>2.451.447.540</b>	<b>13.236.013.361</b>
1.1. Phải trả gốc margin	2.440.169.960	13.116.964.000
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>2.440.169.960</i>	<i>13.116.964.000</i>
1.2. Phải trả lãi margin	11.277.580	119.049.361
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>11.277.580</i>	<i>119.049.361</i>
<b>2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán</b>	<b>1.733.580.000</b>	<b>6.008.709.000</b>
2.1. Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	1.733.580.000	6.008.709.000
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>1.733.580.000</i>	<i>6.008.709.000</i>
	<b>4.185.027.540</b>	<b>19.244.722.361</b>

NAVIBANK

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

**27 . THU NHẬP**

a) Lãi, từ các tài sản tài chính

	Số lượng bán	Giá trị trung bình/ Giá trị hợp lý	Tổng giá trị bán		Tổng giá trị vốn		Lãi, từ bán chứng khoán năm nay		Lãi, từ bán chứng khoán năm trước	
			VND	VND	VND	VND	Lãi	Lãi	Lãi	Lãi
Trái phiếu chưa niêm yết	5.370.790	2.602.513.599.638	2.557.681.183.894	2.557.681.183.894	44.916.823.917	84.408.173	67.579.333.625	30.162.039.403		
		<b>2.602.513.599.638</b>	<b>2.557.681.183.894</b>	<b>2.557.681.183.894</b>	<b>44.916.823.917</b>	<b>84.408.173</b>	<b>67.579.333.625</b>	<b>30.162.039.403</b>		

b) Chính sách đánh giá lại các tài sản tài chính

	Giá trị mua theo số kế toán	Giá trị mua theo/ Giá trị hợp lý	Chính sách đánh giá lại tại ngày 31/12/2023		Chính sách đánh giá lại tại ngày 01/01/2023		Chính sách điều chỉnh số kế toán	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	64.931.782.886	51.818.802.200	992.174.666	(14.105.155.352)	992.174.666	(14.105.155.352)	27.496.144.500	28.104.264.700
Có phiếu chưa niêm yết	64.931.782.886	51.818.802.200	992.174.666	(14.105.155.352)	992.174.666	(14.105.155.352)	27.496.144.500	28.104.264.700
		<b>51.818.802.200</b>	<b>992.174.666</b>	<b>(14.105.155.352)</b>	<b>992.174.666</b>	<b>(14.105.155.352)</b>	<b>27.496.144.500</b>	<b>28.104.264.700</b>

G T  
PH  
KH  
IBA

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

**e) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	8.138.430.487	17.065.428.482
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	6.924.250.959	1.145.463.019
Từ các khoản cho vay	763.006.061	1.667.521.049
Từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	-	1.659.903.972
	<u>15.825.687.507</u>	<u>21.538.316.522</u>

**28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	170.473.099	429.348.529
	<u>170.473.099</u>	<u>429.348.529</u>

**29 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	875.616	5.296.574
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	7.864.601	16.660.251
	<u>8.740.217</u>	<u>21.956.825</u>

**30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	7.180.105.057	5.535.749.966
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	331.068.000	259.760.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	86.154.676	109.189.525
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	187.550.724	192.677.337
Chi phí thuê, phí và lệ phí	3.000.000	9.325.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.903.767.772	2.816.552.590
Chi phí khác	603.998.675	785.403.292
	<u>11.295.644.904</u>	<u>9.708.657.710</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

**31 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tiền phạt thu được	5.872.005.575	-
Các khoản khác	2.252	950
	<u>5.872.007.827</u>	<u>950</u>

**32 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt	225.015.253	-
Các khoản khác	85.258	12.327.211
	<u>225.100.511</u>	<u>12.327.211</u>

**33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

**33.1 . Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	47.183.965.359	1.521.551.599
Các khoản điều chỉnh tăng	46.184.982	20.585.664.067
- Chi phí không hợp lệ	46.184.982	72.489.221
- Điều chỉnh chênh lệch tăng đánh giá lại TSTC	-	20.513.174.846
Các khoản điều chỉnh giảm	(992.246.266)	(40.500)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(71.600)	(40.500)
- Điều chỉnh chênh lệch tăng đánh giá lại TSTC	(920.646.266)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	46.237.904.075	22.107.175.166
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	<u>9.247.580.815</u>	<u>4.421.435.033</u>

Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	2.700.192	100.778
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	3.977.259.629	887.433.311
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(9.821.464.809)	(1.331.709.493)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	<u>3.406.075.827</u>	<u>3.977.259.629</u>

**34.2 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	-	4.102.634.969
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	-	(4.102.634.969)
	<u>-</u>	<u>-</u>

**Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả hoạt động**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	-	(4.102.634.969)
	<u>-</u>	<u>(4.102.634.969)</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

**35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	37.933.684.352	1.202.650.757
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	37.933.684.352	1.202.650.757
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	25.200.000	25.200.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.505</b>	<b>48</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	120.190.231.115	-	-	120.190.231.115
	<u>120.190.231.115</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>120.190.231.115</u>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	205.195.149.201	-	-	205.195.149.201
	<u>205.195.149.201</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>205.195.149.201</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	92.943.586.802	-	-	92.943.586.802
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	89.000.000.000	-	-	89.000.000.000
Các khoản cho vay	4.173.749.960	-	-	4.173.749.960
Các khoản phải thu	46.520.121.414	-	-	46.520.121.414
	<u>232.637.458.176</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>232.637.458.176</u>
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	145.209.368.021	-	-	145.209.368.021
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Các khoản cho vay	19.125.673.000	-	-	19.125.673.000
Các khoản phải thu	17.688.433.522	-	-	17.688.433.522
	<u>192.023.474.543</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>192.023.474.543</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	60.529.855.077	-	-	60.529.855.077
Chi phí phải trả	8.883.416	-	-	8.883.416
	<u>60.538.738.493</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>60.538.738.493</u>
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	139.818.472.362	-	-	139.818.472.362
Chi phí phải trả	305.034.771	-	-	305.034.771
	<u>140.123.507.133</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>140.123.507.133</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**37. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**38. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	2.908.650.886	80.551.398.904	8.441.075.201	91.901.124.991
Chi phí hoạt động	4.517.851.700	32.757.206.941	1.955.096.285	39.230.154.926
Doanh thu không phân bổ				170.473.099
Chi phí không phân bổ				11.304.385.121
Kết quả hoạt động	<u>(1.609.200.814)</u>	<u>47.794.191.963</u>	<u>6.485.978.916</u>	<u>41.537.058.043</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận trực tiếp	4.885.391.873	142.819.935.115	138.823.151.429	286.528.478.417
Tài sản không phân bổ				100.203.835.666
<b>Tổng tài sản</b>	<u>4.885.391.873</u>	<u>142.819.935.115</u>	<u>138.823.151.429</u>	<u>386.732.314.083</u>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	-	20.000.000.000	95.218.858	20.095.218.858
Nợ phải trả không phân bổ				45.080.411.548
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<u>-</u>	<u>20.000.000.000</u>	<u>95.218.858</u>	<u>65.175.630.406</u>

**39. NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DỮ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc (Các thành viên Hội đồng quản trị khác không nhận thù lao năm 2022 và năm 2023)	1.739.000.000	738.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

**40. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Nguyễn Thùy Dung  
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Thủy  
Kế toán trưởng

Phạm Anh Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2024



## Tư duy cũ không thể có không gian mới.

Để có những nấc thang phát triển mới, cách thức phát triển mới, bên cạnh đầu vào, phải cần thêm yếu tố để tăng trưởng bền vững, chất lượng, có khả năng chống chọi với sự biến động của thị trường.

Muốn phát triển nhanh, phát triển mạnh để bắt kịp với đà tiến chung của khu vực và thế giới cần phải có một tầm nhìn rộng mở trong một không gian phát triển mới dài rộng, thoáng đãng, cởi mở, cạnh tranh sôi nổi và bình đẳng.

Năm 2024 là năm mà Ban điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên NVS cùng hướng đến những mục tiêu mới, đổi mới tầm nhìn, mở rộng kết nối đến nhà đầu tư - đến đối tác - và tiến đến hội nhập với sự phát triển của công nghệ mới. Mục tiêu của NVS không chỉ dừng lại ở việc ổn định, mà phải đồng thời song hành với sự phát triển, tân tiến, tính bảo mật cao mang đến những trải nghiệm ưu việt cho Khách hàng.

Kính cảm ơn các Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và toàn thể cán bộ nhân viên đã gắn bó, đồng hành với sự nghiệp phát triển của NVS trong thời gian qua. Trong những năm tới đây, NVS mong rằng quý vị sẽ tiếp tục cùng ủng hộ, đồng hành và chứng kiến NVS trên con đường phát triển và trở nên lớn mạnh hơn mỗi ngày.

Trân trọng.

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2024

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC**



**PHAN ANH TUẤN**